

TÀI LIỆU
GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH KON TUM





Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Kon Tum là tỉnh miền núi vùng cao, biên giới, nằm ở phía bắc Tây Nguyên, có địa hình đa dạng, khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên và tài nguyên khá phong phú. Trải qua quá trình lịch sử lâu dài, Kon Tum cũng là vùng đất tụ hội của nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống, bảo vệ và xây dựng quê hương, tạo nên các giá trị văn hoá lịch sử tiêu biểu. Ngày nay, phát huy các tiềm năng, lợi thế, tỉnh Kon Tum đang hội nhập và phát triển sâu rộng, góp phần vào sự phát triển chung của cả nước.

Để giúp các em hiểu, yêu mến và tự hào về mảnh đất Kon Tum nơi mình đang sinh sống, Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum tổ chức biên soạn *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Kon Tum lớp 6*. Tài liệu gồm 09 chủ đề với các mạch kiến thức: (1) về văn hoá, lịch sử truyền thống; (2) về địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; (3) về chính trị - xã hội, môi trường. Mỗi chủ đề là những nội dung cơ bản, được chắt lọc và thiết kế, trình bày qua bốn hoạt động: (1) Mở đầu; (2) Kiến thức mới; (3) Luyện tập và (4) Vận dụng.

Hi vọng *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Kon Tum lớp 6* sẽ đồng hành với các em trên con đường khám phá, trải nghiệm về những giá trị tiêu biểu của địa phương, qua đó góp phần bồi dưỡng tình yêu quê hương, khát vọng vươn lên xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xây dựng quê hương Kon Tum giàu đẹp.

Chúc các em học sinh có những trải nghiệm thật thú vị và bổ ích!

BAN BIÊN SOẠN

Các em hãy bảo quản, giữ gìn sách để dành tặng cho các bạn học sinh lớp sau nhé!

MỤC LỤC

	Nội dung	Trang
Chủ đề 1.	Truyện cổ các dân tộc thiểu số ở Kon Tum	5
Chủ đề 2.	Kon Tum từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X	13
Chủ đề 3.	Giai điệu quê em	19
Chủ đề 4.	Vẽ tranh lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum	23
Chủ đề 5.	Địa lí tự nhiên tỉnh Kon Tum	28
Chủ đề 6.	Nghề truyền thống ở Kon Tum	36
Chủ đề 7.	Học sinh Kon Tum với việc thực hiện an toàn giao thông	44
Chủ đề 8.	Học sinh Kon Tum với an toàn vệ sinh thực phẩm tại địa phương	50
Chủ đề 9.	Đa dạng sinh học và bảo tồn đa dạng sinh học ở Kon Tum	56

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Yêu cầu cần đạt

Nêu yêu cầu cần đạt về năng lực và phẩm chất của học sinh sau khi học.



Mở đầu

Giới thiệu, cung cấp một số hình ảnh hoặc thông tin, xây dựng tình huống, nội dung liên quan đến chủ đề,... nhằm tạo hứng thú và định hướng các hoạt động học tập tiếp theo.



Kiến thức mới

Cung cấp thông tin và hướng dẫn học sinh tìm hiểu, hình thành kiến thức, năng lực, phẩm chất ở các nội dung của chủ đề.



Luyện tập

Kiểm tra đánh giá hoạt động nhận thức của học sinh, bao gồm các câu hỏi, bài tập, yêu cầu thực hành,... để củng cố những nội dung được thể hiện ở phần kiến thức mới.



Vận dụng

Bao gồm câu hỏi, bài tập yêu cầu học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để nhìn nhận, đánh giá, giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến chủ đề.

Chủ đề 1

TRUYỆN CỔ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở KON TUM

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (cốt truyện, kết cấu, yếu tố tưởng tượng,...) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của một số truyện cổ tiêu biểu các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.
- Tóm tắt hoặc kể lại được một số truyện cổ dân gian Kon Tum đã học hoặc đã đọc/nghe.
- Hiểu và lí giải được ý nghĩa của một số câu chuyện cổ đã học hoặc đọc mở rộng.
- Biết trân trọng giá trị truyền thống của đồng bào các tộc thiểu số ở Kon Tum; bồi dưỡng tình yêu, lòng tự hào đối với quê hương Kon Tum.



Mở đầu

Chúng ta gắn bó với mảnh đất Kon Tum không chỉ vì vẻ đẹp của thiên nhiên hùng vĩ mà còn vì nền văn hoá đa dạng, giàu bản sắc và đậm chất nhân văn. Bên ánh lửa bập bùng, người già sẽ kể ta nghe những câu chuyện cổ, để rồi khi đắm mình trong không gian huyền thoại đó, ta sẽ hiểu thêm về cội nguồn, tâm hồn của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Kon Tum và cảm nhận được những khát khao, mơ ước của người xưa.

Trong chủ đề này, các em sẽ được tìm hiểu những truyện cổ tiêu biểu, đặc sắc của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum để càng yêu mến, trân trọng và gắn bó hơn với mảnh đất và con người nơi đây.



Kiến thức mới

Văn bản 1

ĐẤT VÀ TRỜI

(Truyện cổ Xơ-đăng)

⚙ Mở đầu

1. Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về truyện cổ dân gian. Kể tên một số truyện cổ dân gian mà em đã từng đọc/nghe.
2. Điều em thích nhất ở truyện cổ dân gian là gì?

☀ Trải nghiệm cùng văn bản

Thuở xưa, đất trời chia thành sáu tầng và nối liền với nhau bằng một cây khổng lồ, tán lá xoè rộng che kín cả không gian. Con người thường theo nhánh cây này đến thăm thế giới của các vị thần linh.

Khi ấy, vạn vật đều có linh hồn và tự biết làm phần việc của mình. Cái niếc⁽¹⁾ tự biết làm cỏ, cái rựa tự biết phát rẫy, cái rìu tự biết đẽo cây. Hạt lúa tự biết ra rẫy vào mùa gieo và về kho vào mùa chín. Cuộc sống của con người khi ấy là những ngày hội, vui tươi, an nhàn như bao vị thần linh khác.

Một ngày kia, có người đàn ông tính hay tò mò đã lén lút theo các nông cụ ra rẫy. Nhìn chúng vui vẻ hát ca, trò chuyện trong khi làm việc, ông ta nghĩ sẽ dọa chúng một phen cho vui. Ông bèn hú lên một tiếng lớn. Tiếng hú bất ngờ, vang động núi rừng đã khiến các nông cụ giật mình hoảng hốt, hồn bay biến, xác ngã lăn ra đất. Từ đấy, nông cụ không còn biết tự làm việc nữa, con người phải tự tay mình lao động.



Hình 1.1. (Tranh: Dương Văn Huynh)

Rồi một bà lão đặng trí⁽²⁾ ở làng nọ, thay vì chỉ lấy một mẩu nhỏ của hạt gạo mà nấu lại đem cả hạt cho vào nồi. Gạo chín, cơm bung nở tràn nồi và bay tung lên trời thành muôn đám mây trắng, hồn lúa vỡ ra muôn mảnh. Từ đó, hạt lúa cũng không tự biết đường ra rẫy vào mùa gieo trồng và về nhà kho vào mùa thu hoạch như trước nữa.

Vì tán cây khổng lồ che khuất phần lớn mặt trời, không đủ ánh sáng cho việc phát nường, làm rẫy nên con người thường xuyên bị đói. Thế là con người bàn với muôn loài phải chặt cây để lấy ánh sáng. Loài ong đảm trách phần tỉa các cành cây trên cao, loài cua nhận tiếp tế nước uống, nòng nọc được phân công đem cơm,... Nhưng vì tham lam và lười nhác, trên



Hình 1.2. (Tranh: Văn Tính)

đường đi, nòng nọc ăn bớt phần cơm mang theo, khiến bụng chúng phình to. Loài cua đã uống trộm nước khiến miệng chúng luôn sùi bọt. Chỉ có chú ong chăm chỉ đợi mãi không thấy cơm ăn và nước uống, bèn lấy khối thắt bụng lại để quên đói, vì vậy chúng có cái eo nhỏ xíu như bây giờ.

Khi cây khổng lồ đang đổ nghiêng thì một nhánh to vướng vào mặt trăng, khiến cả cây bị treo lơ lửng. Thấy vậy, loài sóc nhanh nhẹn cắn đứt nhánh cây, làm cho cây đổ ầm xuống đất. Cảm ơn loài sóc, vạn vật liền hái hoa của cây khổng lồ này mà tặng cho chúng. Vì thế, lông chúng có các đốm màu xinh đẹp, người ta còn gọi là sóc hoa.

Từ đấy, đất và trời tách rời nhau. Ánh sáng chan hoà toả xuống muôn nơi cho con người phát nương, làm rẫy, xây dựng buôn làng no ấm.

(Theo Phạm Thị Trung, *Tín ngưỡng linh hồn của người Xơ-teng*, NXB Văn hoá Dân tộc, Hà Nội, 2010)

Chú thích:

- (1) Cái niếc: dụng cụ có cán bằng thân cây le, lưới bằng sắt nhỏ như bàn tay, dùng để làm cỏ, đào các loại củ,...
- (2) Đãng trí: trí nhớ kém, hay quên, thiếu tập trung.

☀ Suy ngẫm và phản hồi

1. Tìm những từ ngữ, hình ảnh, chi tiết biểu hiện thời gian, không gian trong truyện. Từ đó, em hãy nhận xét về sự hình dung của người xưa về thế giới tự nhiên.
2. Hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Sự vật/con người	Đặc điểm của sự vật/con người		Nhận xét
	Trước khi có sự tò mò, đãng trí của con người	Sau khi có sự tò mò, đãng trí của con người	
Nông cụ			
Hạt lúa			
Con người			

3. Tại sao con người lại quyết định chặt cây khổng lồ? Con người đã huy động muôn loài vào việc chặt cây như thế nào? Điều gì đã xảy ra khi cây đổ?
4. Truyện *Đất và trời* thể hiện sự nhận thức và lí giải của người xưa về thế giới tự nhiên như thế nào? Em có nhận xét gì về cách lí giải đó?
5. Nêu cảm nhận của em về khát vọng của người Kon Tum thời cổ đại qua truyện cổ này. Em cần làm gì để tiếp nối ước mong, khát vọng đó?
6. Theo em, kết cấu của truyện *Đất và trời* có gì đặc biệt? Hãy thảo luận với các bạn về ý nghĩa của kết cấu đó.

SỰ TÍCH NHÀ RÔNG

(Truyện cổ Ba-na)

☀ Mở đầu

Quan sát hình ảnh sau và trả lời câu hỏi:

1. Ở thôn, làng, địa phương nơi em ở có ngôi nhà như thế này không?



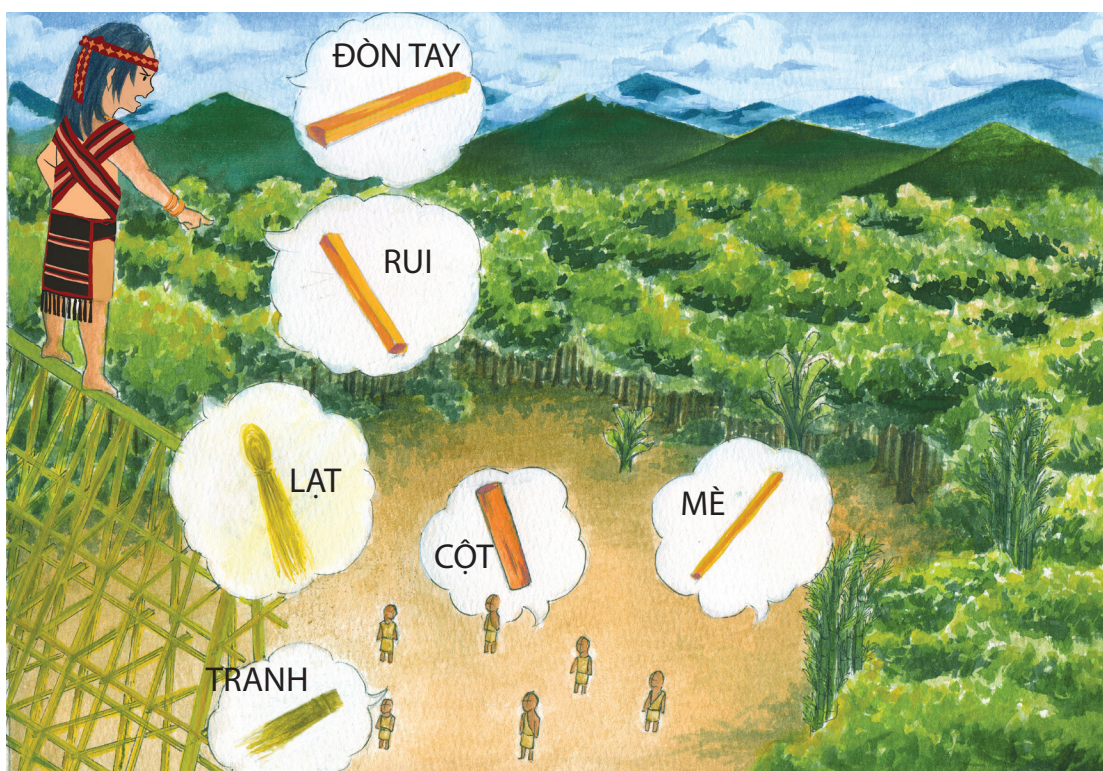
Hình 1.3. (Ảnh: Ban Nguyễn)

2. Ngôi nhà trong bức ảnh trên được gọi tên là gì?
3. Hãy nêu một vài hiểu biết của em về chất liệu, hình dáng, vai trò,... của ngôi nhà đó.

☀ Trải nghiệm cùng văn bản

Ngày xưa, ở làng nọ, có một gia đình rất đông anh chị em, cửa nhà lúc nào cũng vui vẻ, ngập tràn tiếng nói cười. Cũng bởi vì đông người nên không gian sống ngày càng trở nên chật chội. Mọi người bàn với nhau dựng một ngôi nhà mới thật to, thật cao, thật độc đáo để cùng nhau sinh hoạt.

Thế là mọi người chung tay vào việc. Đầu tiên, họ chọn chỗ đất tương đối cao ráo và thoáng mát ở giữa làng đắp đất làm nền và chọn lấy những hòn đá to, vuông vức ngoài chân núi mang về đặt làm móng⁽¹⁾. Rồi phân công người thì cắt cỏ tranh, người thì chặt lồ ô, chẻ lạt⁽²⁾,... ; người thì vào rừng tìm những cây cổ thụ, thân to bằng mấy người ôm, đem về làm cột. Công việc rất mệt nhọc nhưng ai nấy đều vui vẻ, hào hứng, mỗi người mỗi việc, không khí vô cùng nhộn nhịp.



Hình 1.4. (Tranh: Hồ Nguyễn Nghi Dung)

Sau khi cùng nhau đục đẽo, chạm trổ⁽³⁾ hoa văn sao cho thật đẹp mắt, mọi người đồng lòng dựng giàn mái lên càng cao càng tốt. Điều này không những khiến cho nhà được thông thoáng, có khả năng chống chọi với khí hậu khắc nghiệt, mà còn thể hiện sự nổi bật, hùng mạnh, bề thế, sung túc của một ngôi làng.

Cứ thế, mái nhà mỗi lúc một cao vút lên trời xanh như lưỡi rìu dựng ngược, sừng sững, uy nghi giữa làng. Cao đến nỗi, người anh nói lũ em ở dưới không nghe được. Vì lời nói đã bị gió thổi bạt đi, tan loãng trong không gian, lũ em ở dưới chỉ biết nhìn nhau mà đoán mò. Anh nói đưa cái này thì ở dưới lại chuyển lên cái khác.

Rất bức mình, người anh phi xuống đất như một mũi tên. Tiếng quát của người anh như sấm, vang cả núi rừng. Sợ quá, lũ em vội chạy trốn hết, mỗi người một hướng, kẻ chạy về xứ Ba-na, người chạy lên miền Xơ-đăng, kẻ chạy sang vùng Gia-rai,... Họ lạc mất nhau giữa rừng sâu núi thẳm, không còn nhớ đường về làng cũ. Mỗi người đi đến đâu thì lập nên những plei pla⁽⁴⁾ riêng, hình thành nên các nhóm người sinh sống cách biệt nhau giữa bao la núi cao, rừng rậm, sông sâu, đèo hiểm, tiếng nói, phong tục ngày xưa cũng dần thay đổi.

Để nhớ về làng xưa, mỗi người đều cho dựng một ngôi nhà cao rộng như vậy ở những làng mới. Tuy nhiên, do thời gian xa cách, ngôn ngữ đã thay đổi nhiều nên cách gọi tên ngôi nhà này cũng rất khác nhau: người Ba-na gọi là “rông”, người Rơ-ngao gọi là “wal”, người Gia-rai gọi là “jông”, người

Xơ-đăng gọi là “kuat” (quết), người Gié-Triêng lại gọi là “gươl”,... Nhưng ngôi nhà đó mãi mãi là ngôi nhà chung nguồn cội, là trái tim của làng, nơi đón tiếp các vị khách xa đến thăm, nơi tổ chức các việc chung.

(Theo Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đồng Chi, *Người Ba-na ở Kon Tum*, NXB Tri thức, Hà Nội, 2011)

Chú thích:

- (1) Móng: bộ phận dưới cùng, có tác dụng chịu lực đảm bảo cho sự vững chắc của ngôi nhà hoặc công trình xây dựng.
- (2) Lạt: một loại dây bằng tre, giang hay mây chẻ mỏng dùng để buộc.
- (3) Chạm trổ: chạm để trang trí.
- (4) Plei pla: làng bản.

☀ Suy ngẫm và phản hồi

1. Em hãy xác định các sự việc chính trong truyện *Sự tích nhà rông*.
2. Việc dựng lên “ngôi nhà mới thật to, thật cao, thật độc đáo” đã được anh chị em thực hiện như thế nào? Trong quá trình làm nhà, họ gặp phải tình huống gì?
3. Ở làng mới, những người anh em đã làm ngôi nhà chung. Điều đó thể hiện tình cảm và khát vọng gì ở họ?
4. Qua truyện cổ này, người xưa muốn gửi gắm bài học gì?
5. Viết đoạn văn (từ 5 đến 7 câu) bày tỏ cảm nhận của em về bức tranh sau:



Hình 1.5. (Tranh: Hồ Nguyễn Nghi Dung)



GỐC TÍCH TÊN GỌI KON TUM

Thuở xa xưa, ở về phía nam sông Đăk Bla, bên chân núi Chư Hơ-reng, có một vùng đất tên gọi Đak-Lai, ở đó có một làng đồng bào Ba-na (nhánh Rơ-ngao) cư trú, tên gọi của làng là Kon Trang-or (có nghĩa là nhóm người ở nơi chân núi có nhiều cây bông lau).

Làng Kon Trang-or dân cư đông đúc, rất giàu có và hùng mạnh. Nhóm thủ lĩnh của làng là bốn già làng, gồm: Mung, Rung, Loih và Ja-xi. Trong đó Mung, Lung và Loih có tính khí hung hăng, tham lam và hay gây gỗ, cướp bóc. Chỉ có già Ja-xi tính tình hiền lành, chân chất, không muốn tham gia vào những việc xấu do ba người kia bày ra. Vì thế già Ja-xi luôn bị họ ghét bỏ.

Già Ja-xi có hai người con trai tên là Jơ-rong và Uông cũng có tính cách hoà hiếu, trung thực như già. Hai anh em Jơ-rong và Uông muốn đi khỏi làng để khỏi phải thấy cảnh tượng xấu xa của các thủ lĩnh hung hăng kia gây ra. Hai anh em bàn với già Ja-xi về ý định này.

Được sự ủng hộ của già Ja-xi, hai anh em Jơ-rong và Uông rủ nhau đi về phía bờ bắc sông Đăk Bla, cách xa làng cũ, nơi có nhiều cái tum⁽¹⁾ dựng nhà sàn sinh sống.

Khác hẳn với phía bờ nam toàn đồi núi, phía bờ bắc sông Đăk Bla là một vùng thung lũng, đất đai được phù sa bồi đắp màu mỡ, dễ dàng cho việc cấy trồng. Lại thêm những tum nước đầy ắp cá tôm, thuận tiện cho việc đánh bắt. Hai anh em Jơ-rong và Uông chăm chỉ làm ăn. Chẳng mấy chốc, xung quanh họ là những rẫy nương bạt ngàn, xanh mướt, lúa vàng óng, trĩu hạt,... Cuộc sống của họ trở nên sung túc, no đủ.

Hai anh em Jơ-rong và Uông lại còn rất thân thiện và hay giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn. Thấy thế, người các nơi khác lục tục kéo đến xin ở. Họ chung sống thuận hoà và cùng nhau tạo thành một ngôi làng đông đúc, yên bình, ấm no. Ngôi làng ấy được cư dân quanh vùng gọi là “Kon Tum”. “Kon Tum”, theo ngôn ngữ của người Ba-na (nhánh Rơ-ngao), có nghĩa là nhóm người ở bên hồ nước. Về sau, từ “Kon Tum” được hiểu là “làng hồ”. Sau này, khi thành lập đơn vị hành chính, người ta cũng lấy tên “Kon Tum” đặt thành tên chung của tỉnh. Cái tên ấy thật đẹp, gắn với ước mơ về một cuộc sống bình yên của những con người có trái tim hiền hoà, nhân hậu nơi đây.

(Theo Võ Chuẩn, Kon Tum tỉnh chí, *Nam Phong tạp chí*, số 191, tháng 12/1933)

Chú thích:

(1) Tum: bầu nước, hồ nước.

1. Em hãy đọc kĩ văn bản trên và tìm hiểu các nội dung sau:
 - a. Sự tích hình thành địa danh Kon Tum.
 - b. Ý nghĩa tên gọi Kon Tum.

2. Quan sát bức ảnh sau và nêu một vài cảm nhận của em về thành phố Kon Tum ngày nay.



Hình 1.6. (Ảnh: Ban Nguyễn)



Vận dụng

1. Hãy mở rộng vốn hiểu biết của em về truyện cổ Kon Tum bằng việc tìm đọc thêm hoặc sưu tầm từ ông bà, cha mẹ, người già, nghệ nhân,... ở địa phương.
2. Hãy chia sẻ với các bạn những cảm nhận, suy nghĩ của em về một truyện cổ Kon Tum mà em yêu thích qua các buổi thảo luận ở lớp, sinh hoạt ở câu lạc bộ sách, câu lạc bộ văn học,... Từ đó, hãy xây dựng kịch bản và biểu diễn trong buổi ngoại khoá văn học.
3. Từ những câu chuyện cổ đã học và đọc, hãy nêu một vài cảm nhận chung về nét đặc trưng của văn hoá truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.

Chủ đề 2

KON TUM TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỈ X

Yêu cầu cần đạt

- Biết được những dấu tích khảo cổ thời nguyên thủy ở Kon Tum và nêu được tiến bộ về công cụ, đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Lung Leng.
- Biết trân trọng và tự hào về các giá trị văn hoá, lịch sử tiêu biểu của Kon Tum ở giai đoạn này; biết giới thiệu, quảng bá đến với bạn bè, người thân về các hiện vật tiêu biểu của di chỉ Lung Leng nói riêng và di chỉ khác của địa phương.



Mở đầu

Qua hai cuộc khai quật năm 1999 và 2001, Viện Khảo cổ học và Bảo tàng Kon Tum đã phát hiện hàng trăm di tích là các bếp lửa, lò nung, mộ táng và gần 15 000 hiện vật như: rìu, bôn, cuốc, dao, công cụ mũi nhọn, bàn mài, bàn nghiền, khuôn đúc đồng, vòng tay, vòng đeo tai, chuỗi hạt, chum, vò, bát bồng, tô, đĩa,...



Hình 2.1. Công trường khai quật khảo cổ học Lung Leng năm 2001
(Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)

Hiện nay, Kon Tum phát hiện được bao nhiêu di chỉ khảo cổ và các di chỉ đó được tìm thấy ở đâu?



1. Khái quát các di chỉ khảo cổ trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Hiện nay, Kon Tum đã phát hiện gần 60 địa điểm khảo cổ học thời đại đồ đá nằm rải rác trên địa bàn toàn tỉnh như: di chỉ Thôn Năm (xã Kroong, thành phố Kon Tum), di chỉ Sa Nhơn (huyện Sa Thầy), di chỉ Thôn Ba (xã Diên Bình, huyện Đắk Tô), di chỉ Đắk Wót (xã Hà Mòn, huyện Đắk Hà),... nhưng tiêu biểu nhất là di chỉ Lung Leng.

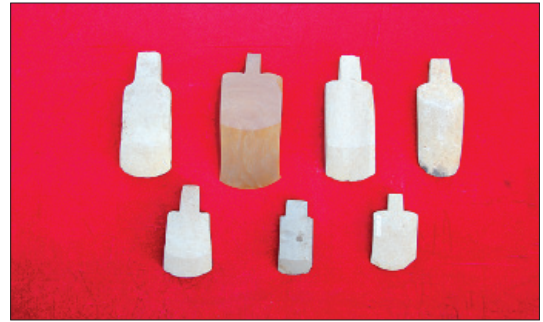


Năm 1999, các nhà khoa học đã phát hiện di chỉ khảo cổ học Lung Leng thuộc xã Sa Bình, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum, nằm ở bờ bắc sông Pô Kô, cách thành phố Kon Tum khoảng 15 km về phía tây.

Cách đây khoảng 1 đến 3 vạn năm, cư dân Lung Leng đã biết ghè đẽo những hòn đá cuội thành những công cụ thô sơ. Qua quá trình lao động, họ đã biết cải tiến kĩ thuật như mài, cưa, khoan, đục lỗ và đánh bóng sản phẩm thành cuốc, rìu làm từ đá lửa, đá opal⁽¹⁾.



Hình 2.3. Công cụ ghè đẽo



Hình 2.4. Cuốc đá

(Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)

Ngoài những hiện vật bằng đá, các nhà khảo cổ còn phát hiện dấu vết các lò luyện kim, một số khuôn đúc rìu đồng đã khẳng định cư dân Lung Leng đã biết chế tác và sử dụng công cụ bằng kim loại. Bên cạnh đó, họ còn biết chế tác và sử dụng công cụ bằng tre, gỗ...



Hình 2.5. Rìu đồng và khuôn đúc rìu ở di chỉ Lung Leng (Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)

Di chỉ khảo cổ Lung Leng được phát hiện vào thời gian nào và ở đâu?

2. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Lung Leng

Để sinh tồn và phát triển, cư dân Lung Leng đã biết hợp sức lao động trong săn bắt, hái lượm.

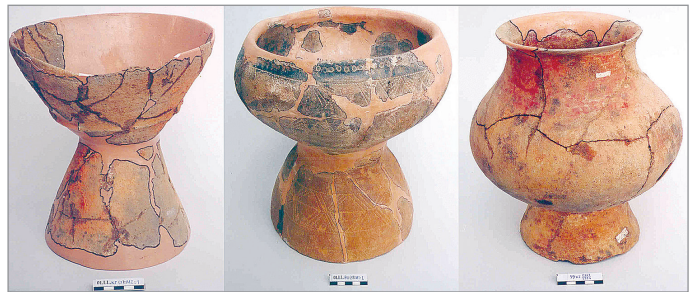
(1) Đá opal: là một loại đá tự nhiên, khi soi đèn vào ta thấy ánh cầu vồng với rất nhiều màu sắc khác nhau. Đá opal có nguồn gốc từ các vụ phun trào núi lửa.



Hình 2.6. Cảnh sinh hoạt của người tiền sử Lung Leng
(Tranh mô phỏng tại Bảo tàng Kon Tum)

Sau này, ngoài săn bắt, hái lượm, họ đã biết trồng trọt và chăn nuôi, biết làm gốm, dệt vải.

Trong chế tác gốm như: nồi, bát, bình, vò, cốc, chén, quan tài với kích thước lớn, họ biết trang trí hoa văn và kĩ thuật nung đạt đến trình độ khá cao. Trong dệt vải, họ biết sử dụng dọi xe sợi bằng đất nung để kéo sợi, dệt vải.



Hình 2.7. Bát bồng, bình gốm của di chỉ Lung Leng
(Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)

Ban đầu họ dùng vỏ cây để che thân, về sau họ đã dùng vải để làm trang phục. Hằng ngày, nam đóng khố, nữ mặc váy ở trần. Ngoài ra, còn biết chế tác đồ trang sức với các kiểu dáng khác nhau để làm đẹp như: khuyên tai, vòng tay.



Hình 2.8. Dọi xe sợi của cư dân Lung Leng
(Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)

Cư dân Lung Leng có đời sống tinh thần phong phú. Họ có tục chôn người chết trong các mộ chum, mộ nổi vò, mộ kè gốm,... ở nơi cư trú và có tục “chia của” cho người chết những công cụ lao động, đồ gốm, đồ trang sức bằng hạt chuỗi, vòng tay,...



Hình 2.9. Đồ trang sức bằng đá ở di chỉ Lung Leng
(Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)



Hình 2.10. Mộ chum tại di chỉ Lung Leng
(Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)

1. Trình bày những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Lung Leng.
2. Dựa vào cơ sở nào để khẳng định cư dân Lung Leng có đời sống vật chất và tinh thần phong phú đa dạng?

II. KON TUM ĐẾN THẾ KÌ X

Vào đầu Công nguyên, trong khi các vùng khác trên lãnh thổ Việt Nam hình thành các vương quốc cổ thì cư dân Kon Tum vẫn sinh sống quây quần thành các làng, theo hình thức thị tộc và bộ lạc. Đứng đầu các thị tộc, bộ lạc là những tộc trưởng, hội đồng tộc trưởng do các thành viên trong cộng đồng bầu ra. Họ chịu trách nhiệm trước cộng đồng chăm lo công việc chung, họp bàn khi có việc trọng đại và sẽ bị bãi miễn nếu không còn sự tín nhiệm của các thành viên trong cộng đồng.

Làng là một tổ chức xã hội nhỏ nhất và cũng là duy nhất, vận hành theo cơ chế tự quản. Việc chọn đất lập làng thường ở gần nguồn nước. Việc đặt tên làng có thể theo tên một ngọn núi, một loại cây hay con sông quen thuộc gắn bó với làng đó. Ranh giới giữa các làng được quy định bởi sự thoả thuận giữa các làng. Cửa chính vào làng được bảo vệ hết sức nghiêm ngặt. Mỗi làng đều có một luật tục riêng, mọi thành viên đều tuân thủ luật tục một cách tự nguyện, đều có quyền sử dụng đất đai, sông ngòi,... của làng. Các gia đình sản xuất và sở hữu tài sản riêng. Tuy nhiên, các gia đình trong cùng làng luôn có sự tương trợ mật thiết với nhau. Yếu tố tương trợ này đến nay vẫn còn được duy trì.

Trong thiết chế xã hội truyền thống của dân tộc thiểu số tại chỗ nơi đây, ngoài tổ chức làng, còn có những liên minh nhiều làng, chiếm một vùng rộng lớn gọi là Tơ-ring hay Kring. Liên minh này giúp cho các làng hỗ trợ nhau trong bảo vệ buôn làng. Chính điều đó đã hình thành truyền thống đoàn kết của các dân tộc trên mảnh đất Kon Tum trong công cuộc xây dựng và bảo vệ buôn làng, quê hương. Tuy nhiên, mỗi liên minh này khá lỏng lẻo và không có tổ chức bắt buộc.

Trong những thế kỉ đầu Công nguyên, các thị tộc, bộ lạc ở Kon Tum đã có mối quan hệ giao lưu, trao đổi các sản vật quý hiếm với cư dân Chăm-pa như: ngà voi, voi thuần hoá, gỗ đàn hương, sừng tê giác,... Các di tích và phế tích ở Kon Tum như di tích mộ Chăm, tàn tích của các bàn thờ ở Phương Hoà và Kon Klor đã chứng minh ảnh hưởng của văn hoá Chăm-pa đến Kon Tum.

Em hãy khái quát lịch sử Kon Tum đến thế kỉ X.



Luyện tập

1. Em hãy nêu sự tiến triển về công cụ lao động, cách thức lao động của người nguyên thuỷ ở Kon Tum trong thời đại đồ đá.
2. Vẽ sơ đồ tư duy về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Lung Leng.



Vận dụng

1. Viết một đoạn văn ngắn (4-6 dòng) giới thiệu về đời sống tinh thần của cư dân Lung Leng mà em ấn tượng nhất.
2. Em hãy đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu một di chỉ khảo cổ ở Kon Tum mà em biết.

Chủ đề 3

GIAI ĐIỆU QUÊ EM

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được giai điệu bài *Ru em* là dân ca Xơ-đăng; xác định âm sắc và nêu được đặc điểm của đàn Tơ-rưng.
- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát *Ru em* theo tiếng phổ thông. Biết thể hiện bài hát bằng các hình thức khác nhau.
- Yêu thích những làn điệu dân ca của địa phương, từ đó thêm yêu quê hương, quý trọng tình cảm gia đình, tự hào về truyền thống văn hoá của các dân tộc trong tỉnh.



Mở đầu

1. Kể tên và hát một bài dân ca mà em biết (có thể hát bằng tiếng địa phương của em).
2. Chia sẻ với các bạn nội dung lời ca một bài hát ru mà em đã từng được nghe.



Hình 3.1. Nhà rông của người Xơ-đăng, làng Kon Pia, xã Đắk Hà, huyện Tu Mơ Rông (Ảnh: Xê-đăng Phun)



Ru em

Dân ca Xơ-đăng *

Vừa phải

Em ơi em ngủ cho ngoan để mẹ đi chặt cây chuối
nơi xa. Em nằm ngủ cho ngoan. Ngoài rừng xa cha đang đi kiếm măng
non. Nín đi ơi em ơi. Em ngủ đừng khóc em! Ngoài rừng
xa cha đang đi kiếm măng non. Ngủ ngoan ơi em ơi.
Nơi xa mẹ tìm được nhiều ngọn rau non. Đừng khóc nữa ơi em ơi!

* Bài hát được chép lại dựa theo bản nhạc do tác giả Lê Toàn Hùng sưu tầm ghi âm và phỏng dịch trong tập Dân ca Việt Nam (nhà xuất bản Âm nhạc - 2001) có điều chỉnh số chỉ nhịp cho phù hợp với học sinh lớp 6.

Ru em là bài dân ca rất đặc trưng của người Xơ-đăng. Bài hát có cấu trúc một đoạn nhạc, giai điệu nhẹ nhàng, nội dung lời ca thể hiện tình cảm gia đình sâu lắng và sự chăm chỉ, gắn bó với núi rừng của cư dân nơi đây.

1. Học hát

Tập hát từng câu và hát cả bài kết hợp vỗ tay theo nhịp.

Em ơi em ngủ cho ngoan để mẹ đi chặt cây chuối
nơi xa. Em nằm ngủ cho ngoan. Ngoài rừng xa cha đang đi kiếm măng

2. Hát theo các hình thức

* **Nối tiếp và hoà giọng:**

- Hoà giọng: *Em ơi em ngủ... cây chuối nơi xa.*
- Nối tiếp: + Nhóm 1: *Em nằm ngủ... nín đi ơi em ơi.*
+ Nhóm 2: *Em ngủ đừng khóc... ngủ ngoan ơi em ơi.*
- Hoà giọng: *Nơi xa mẹ... ơi em ơi!*

* **Hát kết hợp vận động cơ thể theo nhịp điệu:**

The musical score is written on two staves in 2/4 time. The lyrics are: "Em ơi em ngủ cho ngoan để mẹ đi chặt cây chuối nơi xa. Em nằm ngủ cho ngoan. Ngoài rừng xa cha đang đi kiếm măng". Below the lyrics, there are icons representing body movements: shoes for walking and hands for clapping or tapping. The first line of music corresponds to the first line of lyrics, and the second line corresponds to the second line of lyrics.

Nêu cảm nghĩ của em sau khi hát bài *Ru em* (dân ca Xơ-đăng).

THƯỜNG THỨC ÂM NHẠC

GIỚI THIỆU ĐÀN TƠ-RỪNG

1. Tìm hiểu về đàn Tơ-rưng

- Đàn Tơ-rưng là nhạc cụ rất phổ biến ở Tây Nguyên. Tên gọi đàn Tơ-rưng có nguồn gốc từ tiếng Gia-rai và đã được sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên, cũng có nơi gọi nhạc cụ này bằng một tên khác (người Ba-na ở thành phố Kon Tum gọi là Tă-tơng, người Xơ-đăng ở huyện Đăk Hà gọi là Kling-klong).

- Đàn Tơ-rưng được làm từ những ống nứa kết lại với nhau theo thứ tự từ ống dài đến ống ngắn, mỗi ống tương ứng với một cao độ nhất định. Tùy theo nhu cầu sử dụng mà người ta làm đàn có số lượng ống nhiều hoặc ít. Khi chơi đàn, ta dùng dùi gõ vào ống để tạo ra âm thanh. Tùy theo độ ngắn, dài khác nhau của ống sẽ cho âm thanh cao, thấp khác nhau. Đàn Tơ-rưng có thể dùng để độc tấu, hoà tấu hoặc đệm hát.

- Đàn Tơ-rưng ngày xưa không có giá đỡ, số lượng ống cũng ít hơn nhiều. Các nghệ sĩ đã có nhiều cải tiến để đàn Tơ-rưng có hình dáng như ngày nay, kĩ thuật biểu diễn và khả năng diễn tả cũng rất phong phú.



Hình 3.2. Đàn Tơ-rưng

2. Xem biểu diễn đàn Tơ-rưng

Xem và nghe tác phẩm *Suối đàn Tơ-rưng* (tác giả: Nhật Lai, người biểu diễn: Nghệ sĩ ưu tú Vũ Kim Hạnh) để cảm nhận sự độc đáo của đàn Tơ-rưng.



Hình 3.3. Nhịp đàn Tơ-rưng (Ảnh: Thái Bana)

1. Nêu đặc điểm cấu tạo của đàn Tơ-rưng.
2. Chia sẻ cảm nhận của em sau khi nghe và xem biểu diễn đàn Tơ-rưng.



Luyện tập

Biểu diễn bài hát *Ru em* kết hợp nhạc cụ gõ đệm.

Lyrics: Em ơi em ngủ cho ngoan để mẹ đi chặt cây chuối



Vận dụng

Viết một bài hoặc đoạn văn ngắn giới thiệu về nét độc đáo của đàn Tơ-rưng.

Chủ đề 4

VẼ TRANH LỄ HỘI TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở KON TUM

Yêu cầu cần đạt

- Nêu được tên một số lễ hội truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum; nhận biết được trang phục và không gian diễn ra lễ hội.
- Nêu được ý nghĩa các lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.
- Vẽ được tranh đề tài lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.
- Chia sẻ được cảm nghĩ của em về ý thức bảo tồn và phát huy nét đẹp lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.



Mở đầu

Quan sát các hình 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 và cho biết:

1. Nội dung của các hình ảnh nói về những hoạt động gì?
2. Không gian diễn ra các hoạt động đó.



Hình 4.1. Lễ hội mừng nhà rông mới của người Ba-na (Ảnh: Huy Đăng)



Hình 4.2. Lễ hội mừng lúa mới của người Xơ-đăng (Ảnh: Trần Lâm)



Hình 4.3. Đua thuyền độc mộc ở Kon Tum
(Ảnh: Minh Đức)



Hình 4.4. Hội làng của người Gié-Triêng
(Ảnh: Thái Bana)



Kiến thức mới

1. Tìm hiểu về lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum

Đọc thông tin dưới đây và cho biết:

1. Tên một số lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.
2. Trang phục được sử dụng trong lễ hội.
3. Ý nghĩa lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.

Lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum phong phú, đa dạng, gắn liền với đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng làng.

Một số lễ hội truyền thống tiêu biểu của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum gồm: lễ mừng nhà rông mới, lễ hội làm máng nước, lễ hội mừng lúa mới, lễ hội đua thuyền độc mộc, lễ hội cầu an, lễ hội cúng đất làng, lễ hội “ăn than”,... Lễ hội thường tổ chức ở trước nhà rông, nhà sàn hoặc tại nguồn nước, rẫy lúa,... Một số lễ hội có quy mô lớn thường được người dân trang trí cây nêu đẹp mắt. Những người tham gia lễ hội mặc trang phục truyền thống của dân tộc mình. Lễ hội bao gồm phần lễ và phần hội đan xen. Phần lễ bày tỏ mong ước sự phù hộ của thần linh đối với cuộc sống con người. Phần hội là sự giao lưu, bày tỏ tình cảm giữa những người tham gia.

Ý nghĩa các lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum là cầu mong cho dân làng được bình an, mạnh khỏe, ấm no, hạnh phúc và thể hiện tinh thần gắn kết các mối quan hệ của cộng đồng làng.

2. Khám phá tranh vẽ đề tài lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum

a. Tranh của học sinh

Quan sát các hình 4.5, 4.6, 4.7, 4.8 và nhận xét về:

1. Ý tưởng lựa chọn nội dung chủ đề.
2. Cách sắp xếp bố cục, hình ảnh.
3. Thể hiện màu sắc trong tranh.



Hình 4.5. Lễ hội mừng nhà rông mới - chất liệu sáp màu (Tranh: học sinh Trường THCS - THPT Lý Tự Trọng - Kon Tum)



Hình 4.6. Lễ hội làng em - chất liệu sáp màu (Tranh: học sinh Trường TH - THCS Hoà Bình - thành phố Kon Tum)



Hình 4.7. Lễ hội mừng lúa mới - chất liệu sáp màu (Tranh: học sinh Trường THCS Trần Hưng Đạo - Kon Tum)



Hình 4.8. Lễ hội - chất liệu sáp màu (Tranh: học sinh Trường THCS - THPT Liên Việt Kon Tum)

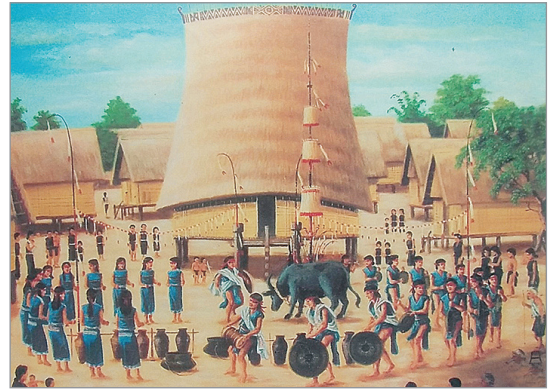
b. Tranh vẽ của họa sĩ

Quan sát các hình 4.9, 4.10, 4.11, 4.12 và cho biết:

1. Nội dung các bức tranh vẽ về chủ đề gì?
2. Cách sắp xếp bố cục, hình ảnh, màu sắc như thế nào?
3. Cảm nhận của em về các bức tranh.



Hình 4.9. Pơ-trum - tranh sơn mài
(Tranh: Quang Sục)



Hình 4.10. Hội lễ ăn trâu - tranh sơn dầu
(Tranh: A Jik)



Hình 4.11. Pơ-thi - tranh sơn dầu
(Tranh: Viêt Huy)



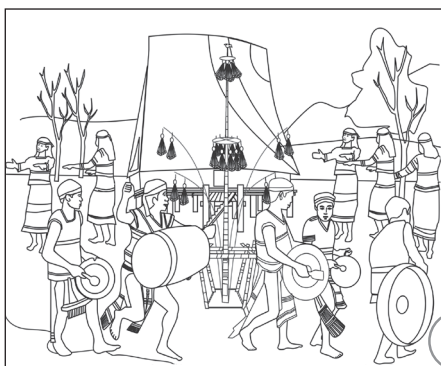
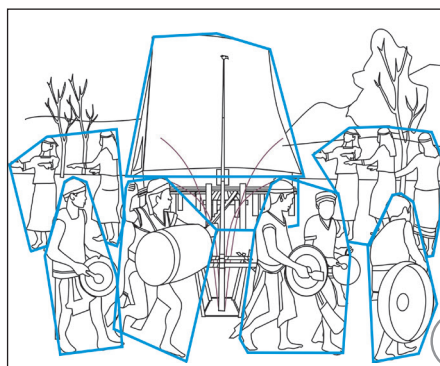
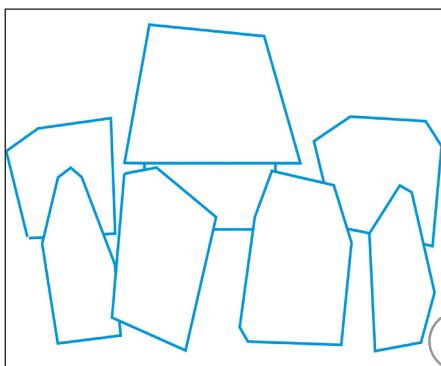
Hình 4.12. Lễ hội - tranh sơn dầu
(Tranh: Ngọc Huy)

3. Cách vẽ tranh đề tài lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum

Quan sát hình và nêu cách vẽ tranh đề tài lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.

Các bước vẽ tranh đề tài





Luyện tập

1. Vẽ tranh đề tài lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum theo ý thích.

2. Trưng bày sản phẩm và chia sẻ

Nêu cảm nhận và phân tích:

- Ý tưởng lựa chọn nội dung chủ đề.
- Bố cục, hình ảnh, màu sắc trong tranh.



Vận dụng

- Sưu tầm tranh/ảnh về lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.

- Thuyết trình về:

+ Các hoạt động diễn ra trong lễ hội.

+ Ý nghĩa của các lễ hội truyền thống ở địa phương em.

- Chia sẻ cảm nghĩ của em về ý thức bảo tồn và phát huy nét đẹp lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.

Chủ đề 5

ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN TỈNH KON TUM

Yêu cầu cần đạt

- Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ của tỉnh Kon Tum. Trình bày được một số nét cơ bản về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên của tỉnh. Biết được những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.
- Thực hành được kĩ năng xác định vị trí của một số đối tượng địa lí trên bản đồ. Đọc được bản đồ, bảng số liệu để khai thác kiến thức về địa lí tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên tỉnh Kon Tum và vận dụng được vào thực tiễn.
- Yêu nước, yêu thiên nhiên, có trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường.



Mở đầu

Với vị trí hình thành trên nền khối cổ Kon Tum, trải qua lịch sử phát triển địa chất lâu dài và phức tạp đã tạo ra cho Kon Tum nhiều nét đặc sắc về tự nhiên. Vậy em có biết điều kiện tự nhiên của tỉnh Kon Tum có những thế mạnh và hạn chế nào?



Kiến thức mới

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ VÀ SỰ PHÂN CHIA HÀNH CHÍNH

1. Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ

Kon Tum là một tỉnh miền núi vùng cao, biên giới, nằm ở phía bắc Tây Nguyên, khu vực ngã ba biên giới Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia, toạ độ địa lí từ $13^{\circ}55'B$ đến $15^{\circ}27'B$ và từ $107^{\circ}20'Đ$ đến $108^{\circ}32'Đ$.

Kon Tum có diện tích tự nhiên 9 690,5 km², chiếm 2,9% diện tích toàn quốc. Phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, với chiều dài ranh giới 142 km; phía nam giáp tỉnh Gia Lai, với chiều dài ranh giới 203 km; phía đông giáp tỉnh Quảng Ngãi, với chiều dài ranh giới 74 km; phía tây giáp hai nước Lào và Cam-pu-chia với 292,5 km đường biên giới.

2. Sự phân chia hành chính

Tỉnh Kon Tum có 1 thành phố và 9 huyện với 7 thị trấn, 10 phường và 85 xã.

Bảng 5.1. CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH KON TUM

Đơn vị hành chính cấp huyện	Thành phố Kon Tum	Huyện Đắk Glei	Huyện Đắk Tô	Huyện Kon Plông	Huyện Sa Thầy	Huyện Ngọc Hồi	Huyện Đắk Hà	Huyện Kon Rẫy	Huyện Tu Mơ Rông	Huyện Ia H'Drai
Số đơn vị hành chính	10 phường, 11 xã	1 thị trấn, 11 xã	1 thị trấn, 8 xã	1 thị trấn, 8 xã	1 thị trấn, 10 xã	1 thị trấn, 7 xã	1 thị trấn, 10 xã	1 thị trấn, 6 xã	11 xã	3 xã
Năm thành lập	2009	1975	1975	1975	1979	1991	1994	2002	2005	2015

Số liệu tính đến cuối năm 2019

(Nguồn: Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở tỉnh Kon Tum)

Dựa vào bảng 5.1 và hình 5.1, kể tên và xác định vị trí các huyện, thành phố của tỉnh Kon Tum trên bản đồ.

II. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

1. Địa hình, đất đai

Phần lớn tỉnh Kon Tum nằm ở phía tây dãy Trường Sơn, cao ở phía bắc và phía đông. Địa hình khá đa dạng, bao gồm đồi núi, cao nguyên và vùng trũng xen kẽ nhau. Trong đó:

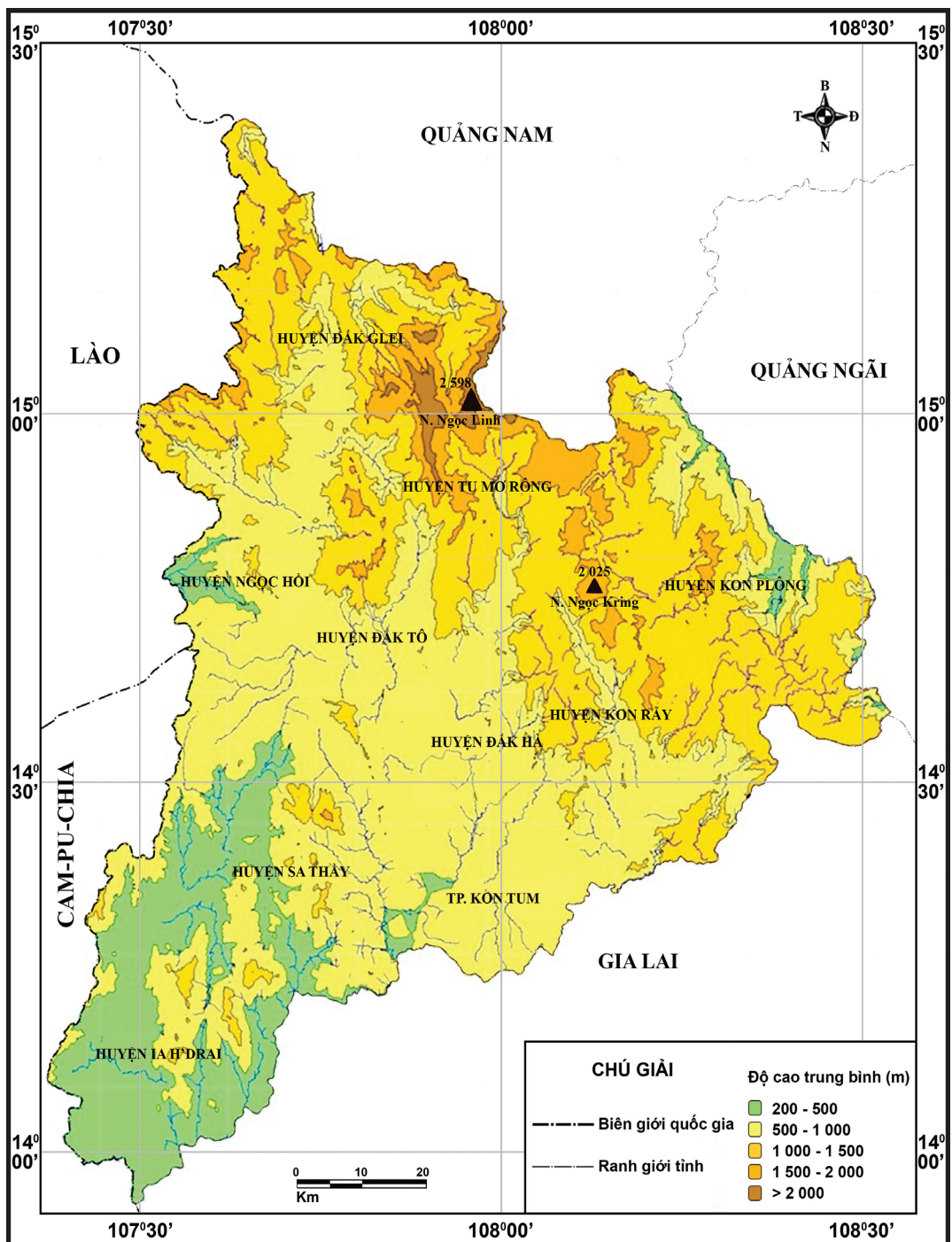
- Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích toàn tỉnh.

+ Địa hình núi: chủ yếu là núi thấp và núi trung bình, phân bố tập trung ở phía tây và phía đông. Núi cao phân bố chủ yếu ở phía bắc với một số đỉnh cao trên 2 000 m như đỉnh Ngọc Linh (2 598 m), đỉnh Ngọc Kring (2 025 m). Bề mặt địa hình bị chia cắt hiểm trở, tạo thành các thung lũng hẹp, khe, suối.

+ Địa hình đồi: tập trung chủ yếu ở huyện Sa Thầy, có hướng nghiêng về phía tây và thấp dần về phía tây nam, xen giữa vùng đồi là dãy núi Chư Mom Ray.

- Địa hình cao nguyên: có cao nguyên Kon Plông nằm giữa dãy An Khê và dãy Ngọc Linh với độ cao 1 100 - 1 300 m, đây là cao nguyên có diện tích nhỏ, chạy theo hướng tây bắc - đông nam.

- Địa hình thung lũng: nằm dọc theo sông Pô Kô đi về phía nam của tỉnh, theo thung lũng có những đồi lượn sóng như Đắk Uy, Đắk Hà và bằng phẳng như vùng thành phố Kon Tum. Thung lũng Sa Thầy được hình thành giữa các dãy núi kéo dài về phía đông chạy dọc biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia.



Hình 5.2. Lược đồ địa hình tỉnh Kon Tum

Quan sát hình 5.2 và đọc nội dung mục 1, hãy:

1. Xác định vị trí của đỉnh Ngọc Linh trên lược đồ và cho biết độ cao của đỉnh núi này.
2. Nêu những dạng địa hình chủ yếu và đặc điểm chính của mỗi dạng địa hình ở tỉnh Kon Tum.
3. Cho biết dạng địa hình chủ yếu là đồi núi thuận lợi cho sự phát triển các hoạt động kinh tế nào của tỉnh?

Đất tự nhiên gồm có 9 nhóm đất, trong đó có 2 nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất: nhóm đất xám, chiếm tỉ lệ cao nhất, tới 92,7% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh; kể đến nhóm đất đỏ badan, chiếm 3,3% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh. Ngoài ra, có thể kể thêm nhóm đất phù sa, chiếm 0,9% và các loại đất khác chiếm tỉ lệ nhỏ.

Đất đai Kon Tum có tầng dày, mỏng không đồng đều. Đa số đất có độ phì ở mức trung bình hoặc nghèo, độ badơ thấp. Đất có khả năng phát triển nông nghiệp chủ yếu là các loại đất xám và đất phù sa.

Nhìn chung, địa hình Kon Tum có nhiều cao nguyên, thung lũng, nhiều cánh đồng tương đối bằng phẳng và rộng lớn, nhiều đồng cỏ tự nhiên, thuận lợi để phát triển nông nghiệp như trồng cây lương thực, hoa màu, cây công nghiệp, nhiều loại rau đậu và chăn nuôi bò, trâu. Vùng núi cao có thể trồng các cây dược liệu quý như sâm Ngọc Linh, đương quy,...

Hạn chế lớn là ở khu vực địa hình dốc, đất trống dễ bị rửa trôi, bạc màu, sạt lở đất,...

2. Khí hậu

Kon Tum thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên. Nhiệt độ trung bình năm dao động trong khoảng 23 - 24°C.

Bảng 5.2. NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH NĂM 2019

(Đơn vị: °C)

Nhiệt độ trung bình tháng 1	Nhiệt độ trung bình tháng 7	Nhiệt độ trung bình năm
22,4	25,4	24,8

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Kon Tum - Niên giám thống kê năm 2019)

Dựa vào bảng 5.2, nêu nhận xét về sự chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tháng 1 và tháng 7 của tỉnh Kon Tum.

Khí hậu Kon Tum có hai mùa rõ rệt: mùa mưa chủ yếu bắt đầu từ tháng 4 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Mùa khô, gió chủ yếu thổi theo hướng đông bắc; mùa mưa, gió chủ yếu thổi theo hướng tây nam. Độ ẩm trung bình hàng năm dao động trong khoảng 78 - 87%.

Bảng 5.3. LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM 2019

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	0,1	51,8	82,7	140,4	198,6	229,6	250,3	250,7	310,6	176,4	53,5	0

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Kon Tum - Niên giám thống kê năm 2019)

Dựa vào bảng 5.3, hãy:

1. Tính lượng mưa trung bình năm của tỉnh Kon Tum.
2. Cho biết tháng nào có lượng mưa nhiều nhất, tháng nào có lượng mưa ít nhất trong năm? Sự chênh lệch về lượng mưa trung bình giữa tháng thấp nhất và tháng cao nhất cho thấy đặc điểm nổi bật nào của khí hậu Kon Tum?

Bảng 5.4. ĐỘ ẨM KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TRONG NĂM 2019

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Độ ẩm không khí (%)	67,1	64,1	69,6	73,5	76,6	79,1	84,1	87,3	81,2	75,9	77,6	68,8

(Nguồn: Cục thống kê tỉnh Kon Tum - Niên giám thống kê năm 2019)

Dựa vào bảng 5.3, hãy cho biết tháng nào có lượng mưa nhiều nhất, tháng nào có lượng mưa ít nhất trong năm? Sự chênh lệch về lượng mưa trung bình giữa tháng thấp nhất và tháng cao nhất?

Kon Tum có nhiều vùng khí hậu mát mẻ, trong lành, nhiều phong cảnh đẹp, nhiều khu rừng đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên với độ đa dạng sinh học cao,... có giá trị để phát triển du lịch nghỉ dưỡng, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là du lịch sinh thái.

Tuy nhiên, khí hậu có một mùa khô nắng gay gắt, độ ẩm rất thấp nên thường xảy ra hiện tượng thiếu nước ở một vài nơi.

3. Tài nguyên rừng

Hệ sinh thái rừng của Kon Tum rất phong phú. Phần lớn là rừng nguyên sinh nhiều tầng có nhiều loại gỗ quý và chim, thú quý hiếm. Tuy nhiên, hiện nay, rừng đang bị suy giảm nghiêm trọng.



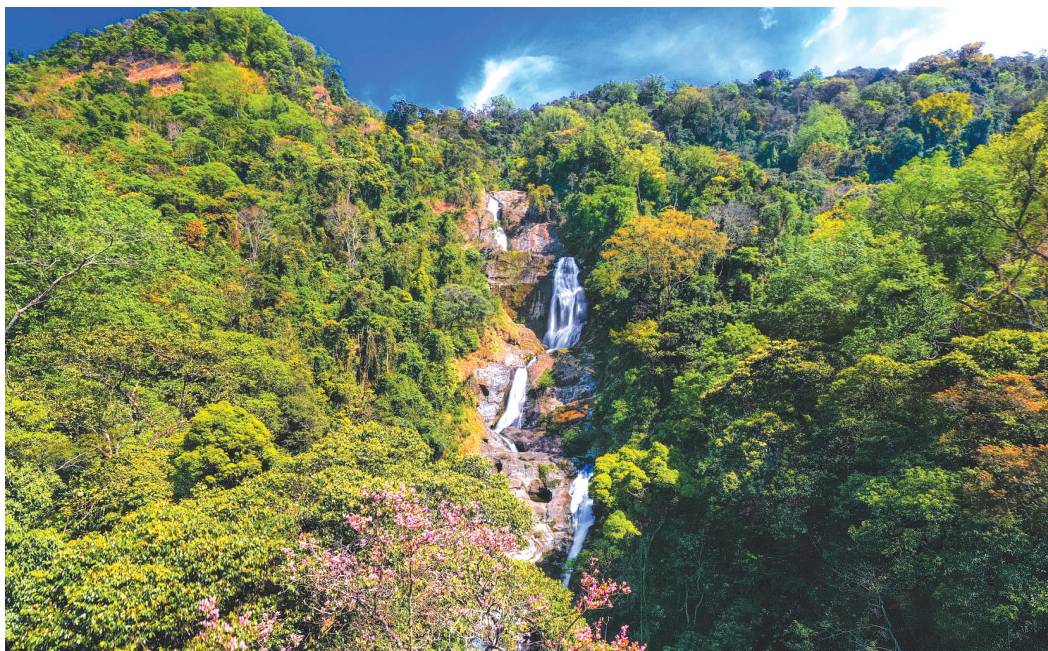
Hình 5.3. Sớm Đăk Hà (Ảnh: Thái Bana)



Hình 5.4. Trong Vườn quốc gia Chư Mom Ray (Ảnh: Huy Đăng)



Hình 5.5. Thác Pa Sỷ - Khu du lịch sinh thái Măng Đen (Ảnh: Đào Phúc Quang Vũ)



Hình 5.6. Đào xuân bên thác Siu Pông (Ảnh: Ban Nguyễn)

Dựa vào nội dung mục 3 và hiểu biết thực tế, hãy:

1. Kể tên các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và rừng đặc dụng của tỉnh Kon Tum.
2. Kể tên một số loài động vật và thực vật tiêu biểu của tỉnh Kon Tum.
3. Cho biết rừng có vai trò như thế nào đối với đời sống và sản xuất của các đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Kon Tum.

4. Sông, hồ

Kon Tum là đầu nguồn của nhiều hệ thống sông lớn như sông Sê San, sông Ba,... Các sông này thường có lòng dốc, thung lũng hẹp, nước chảy xiết. Bên cạnh đó còn có nhiều hồ lớn (chủ yếu là các hồ thủy điện) và nguồn nước ngầm khá dồi dào. Đặc biệt, có các điểm nước khoáng nóng, có khả năng khai thác, sử dụng để làm nước giải khát và chữa bệnh. Tất cả tạo nên tiềm năng, giá trị lớn về thủy điện, thủy lợi, du lịch và nuôi trồng thủy sản cho tỉnh.



Hình 5.7. Cầu treo Kon Klor trên dòng sông Đăk Bla (Ảnh: Ban Nguyễn)



Hình 5.8. Hồ Đăk Ke (Ảnh: Ban Nguyễn)

Dựa vào nội dung mục 4, hình 5.1 và hiểu biết thực tế, hãy:

1. Kể tên và xác định vị trí một số con sông và hồ lớn của tỉnh Kon Tum trên bản đồ hình 5.1.
2. Nêu những thuận lợi và khó khăn của sông, hồ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.



Hình 5.9. Nét mới trên lòng hồ thủy điện Plei Krông
(Ảnh: Huy Đăng)

5. Khoáng sản

Khoáng sản Kon Tum khá đa dạng, nhiều loại có trữ lượng lớn như đá vôi, bô xít, đá dolômít,... Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

Dựa vào nội dung mục 5 và hiểu biết thực tế, hãy kể tên một số khoáng sản chính của tỉnh Kon Tum. Với nguồn tài nguyên khoáng sản đó, tỉnh có điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành sản xuất nào?



Luyện tập

Khí hậu đem lại những thuận lợi và khó khăn gì cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kon Tum?



Vận dụng

1. Vì sao bản tin dự báo thời tiết hằng ngày trên các phương tiện thông tin đại chúng lại trở thành nguồn thông tin rất quan trọng đối với chúng ta.
2. Tìm hiểu những biểu hiện của tình trạng ô nhiễm môi trường hoặc cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên ở nơi em đang sống. Nêu những việc em có thể làm để hạn chế các biểu hiện trên.
3. Em hiểu như thế nào về nhận định: “Đắc Bla là dòng sông chảy ngược”? Hãy giải thích cho ý kiến của mình.

Chủ đề 6

NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở KON TUM

Yêu cầu cần đạt

- Biết được một số nghề truyền thống, sản phẩm nghề truyền thống ở Kon Tum; sự hình thành, lưu truyền và phát triển nghề đến ngày nay.
- Phân biệt được những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt từ nghề truyền thống ở Kon Tum.
- Nhận biết và phân biệt được nghề truyền thống và sản phẩm từ nghề truyền thống với các nghề khác và sản phẩm của nghề khác.
- Tôn trọng và có ý thức giữ gìn, phát huy các nghề truyền thống.



Mở đầu

Nhân dịp nghỉ hè, em được đón một người bạn ở vùng đồng bằng lên thăm Kon Tum. Sau khi đưa bạn đi thăm các danh lam thắng cảnh ở thành phố Kon Tum, chợt bạn thắc mắc: Kon Tum ở nơi xa thế này, ngày xưa đi lại khó khăn, vậy người dân làm sao mua được vải vóc để may mặc hay mua cà, chuối để làm ruộng, rẫy?

Em sẽ giải thích như thế nào cho bạn?



Kiến thức mới

I. TÌM HIỂU VỀ NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở KON TUM

Bằng hiểu biết của bản thân, em hãy thực hiện các yêu cầu sau:

1. Kể tên các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Kon Tum mà em biết.
2. Em hiểu thế nào là nghề truyền thống? Theo em, những nghề truyền thống nào phổ biến ở Kon Tum?
3. Hoàn thành bảng theo mẫu sau:

STT	Nghề truyền thống ở Kon Tum	Sản phẩm	Phục vụ nhu cầu
1	?	?	?
2	?	?	?
3	?	?	?
...	?	?	?

Nghề truyền thống là nghề đã được hình thành từ lâu đời, chủ yếu làm bằng tay, tạo ra những sản phẩm độc đáo, có tính riêng biệt, được lưu truyền và phát triển đến ngày hôm nay hoặc có nguy cơ bị mai một, thất truyền.

II. MỘT SỐ NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở KON TUM

1. Nghề dệt thổ cẩm

a. Thổ cẩm: là hàng thủ công mỹ nghệ của một số dân tộc thiểu số, được dệt bằng sợi nhiều màu sắc sỡ tạo thành những hoa văn, thể hiện đặc trưng của mỗi cộng đồng, vùng, miền.

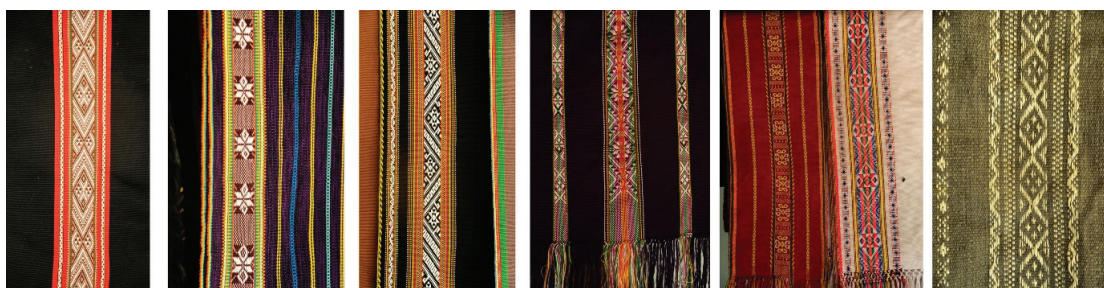
b. Nghề dệt thổ cẩm ở Kon Tum

Với đồng bào các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Kon Tum, dệt vải là nghề dành riêng cho phụ nữ và họ truyền nghề cho nhau theo cách tự học hỏi, người sau học người trước. Các bé gái ở các thôn làng, từ khoảng 9 đến 10 tuổi đã được các phụ nữ lớn tuổi hơn chỉ dạy, nhiều em sau vài năm đã thành thạo công việc dệt vải.

Để có nguyên liệu cho nghề dệt, người ta trồng bông trên nương rẫy, sau khi thu hoạch về phải qua các công đoạn cán, se và nhuộm để có sợi thành phẩm cho việc dệt. Sợi vải màu (xanh, đỏ, vàng...) ngoài cách nhuộm bằng lá rừng hoặc các chất liệu tự nhiên, đồng bào còn trao đổi với thương lái từ các nơi khác đến.

Em có biết?

Trong truyền thống, đời sống kinh tế của cộng đồng dân tộc thiểu số ở Kon Tum mang tính tự cung tự cấp, chủ yếu là kinh tế nương rẫy theo phương thức canh tác xoay vòng và khai thác từ tự nhiên. Trong quá trình lao động, sản xuất đã hình thành nên nhiều nghề truyền thống tiêu biểu, có các giá trị văn hoá đặc sắc cần giữ gìn và phát triển.



Hình 6.1. Một số loại vải thổ cẩm

Khi đã chuẩn bị đầy đủ các nguyên liệu, người phụ nữ bắt đầu đưa sợi lên dụng cụ dàn sợi, đây là công việc khá phức tạp, đòi hỏi sự tỉ mỉ và khéo léo của người thợ dệt. Sau đó, người thợ bắt đầu dệt vải. Tùy từng loại trang phục như: váy, tấm đồ (khăn choàng), khố,... mà người thợ dệt có cách tạo hoa văn và chọn khổ dệt khác nhau. Trong quá trình dệt, việc tạo các hoa văn thường theo một khuôn mẫu truyền thống nhất định. Đây là một kĩ thuật khó, đòi hỏi người thợ dệt phải có sức khỏe và sự kiên trì, khéo léo,...



Hình 6.2. Truyền nghề (Ảnh: Quang Vinh)



Hình 6.3. Se sợi (Ảnh: Minh Đức)



Hình 6.4. Phụ nữ bên khung dệt (Ảnh: Huy Đăng)

Cho đến nay, ở nhiều nơi trong tỉnh, đồng bào dân tộc thiểu số vẫn giữ nghề dệt truyền thống của mình.

Ngoài việc phục vụ cho cuộc sống, thổ cẩm của đồng bào dân tộc thiểu số ở Kon Tum đã trở thành hàng hoá trên thị trường, thành sản phẩm phục vụ cho ngành du lịch. Dệt thổ cẩm đã làm nên nét đẹp trang phục truyền thống và góp phần ghi dấu bản sắc văn hoá của cộng đồng.

Dựa vào nội dung kiến thức và hiểu biết cá nhân, em hãy cho biết:

1. Sản phẩm của nghề dệt thổ cẩm ở Kon Tum đã có những thay đổi như thế nào?
2. Các dân tộc thiểu số đã làm gì để nghề dệt thổ cẩm không bị thất truyền?

2. Nghề đan lát

Quan sát các hình 6.5, 6.6, 6.7 kết hợp với vốn hiểu biết của bản thân, hãy:

1. Kể tên một số sản phẩm đan lát của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.
2. Cho biết những sản phẩm đó đã giúp ích gì cho họ trong cuộc sống. Hoạt động của nghề này có gây hại đến môi trường không?

Điều kiện tự nhiên và môi trường đã đem lại cho cư dân Kon Tum nguồn tài nguyên quý giá để phát triển nghề đan lát, nổi bật là các loại tre, nứa, lồ ô, sâm lữ⁽¹⁾, song mây.

Đan lát chủ yếu là nghề của nam giới. Khi mùa màng đã xong cũng là lúc bắt đầu việc đan lát. Thông thường, người lớn sẽ truyền nghề cho lớp trẻ trong làng.



Hình 6.5. Nghệ nhân ưu tú A Bu (làng Rắc, xã Ya Xiêr, huyện Sa Thầy) đan gùi (Ảnh: XB)

Sản phẩm đan lát thường là vật dụng trong gia đình, vật dụng đồ cúng thần linh trong lễ hội, lễ vật cưới hỏi,... trong đó, gùi là một vật dụng tiêu biểu. Nhiều người khéo tay còn đan được hoa văn lên gùi như một tác phẩm nghệ thuật.

Để giữ độ bền và không bị mối mọt, người dân thường đưa các sản phẩm đan lát lên giàn bếp để hun khói, vì thế, có những sản phẩm có tuổi thọ lên đến hàng chục năm.



A Đum: Gùi có nắp



Chui: Loại gùi dùng để đi săn của đàn ông



Đơm (Pam): Công cụ đánh bắt cá

Hình 6.6. Một số sản phẩm đan lát của người Xơ-đăng (Bảo tàng Kon Tum)

(1) Sâm lữ: loại cây họ tre nhưng dai hơn và không có gai; thường dùng để làm dây nỏ, gùi, rổ,...

Em có biết?

Gùi là một sản phẩm đan lát được dùng như một phương tiện vận chuyển rất quan trọng và không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt và lao động sản xuất của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum. Có các loại gùi khác nhau: đan thưa, đan dày, có nắp, không nắp, có hoa văn, không có hoa văn,...Gùi dùng để vận chuyển lúa, ngô, mì, bầu, bí,... khi đến mùa thu hoạch; đựng rau quả khi đi hái lượm; vận chuyển hàng nông sản khi mang trao đổi, buôn bán; đựng đồ dùng sinh hoạt hằng ngày trong gia đình. Gùi được đan chủ yếu dùng cho người lớn, nhưng cũng có loại gùi đan nhỏ dành cho trẻ em.



Hình 6.7. Bỏ đập lúa truyền thống của người Xơ-đăng
(Ảnh: Nguyễn Văn Phi)

3. Nghề rèn

Quan sát hình 6.11 và nội dung kiến thức dưới đây, em hãy cho biết:

1. Sản phẩm của nghề rèn là những vật dụng nào? Các sản phẩm đó đã giúp gì cho cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số ở Kon Tum?
2. Nguyên liệu cho nghề rèn được đồng bào dân tộc thiểu số ở Kon Tum lấy từ đâu?
3. Vì sao công việc này thường do nam giới đảm nhận?

Để có nguyên liệu rèn, người ta thường đi quặng sắt ở sông, suối hoặc đào ở trên núi. Quặng được nung thành thép thổi tinh khiết, từ đó rèn ra công cụ sản xuất.

Công cụ rèn rất đơn giản, trước đây người ta dùng một thứ đá cứng để làm đe và búa, một chiếc cặp tre thay cho cái kìm. Sau này, các vật dụng trên đều được thay bằng kim loại. Đặc biệt, người Xơ - đăng đã chế tác ra một loại lò rèn đặc biệt làm từ da của con mang rừng, họ gọi loại bể rèn này là Tơ Niam Dup.



Hình 6.8. Lò rèn của người Xơ-đăng (Ảnh: Huy Đăng)

Sản phẩm của nghề rèn chủ yếu để phục vụ trong sản xuất nông nghiệp và cuộc sống. Ngoài ra, họ còn dùng để trao đổi với các dân tộc quanh vùng.



Hình 6.9. Bể rèn bằng gỗ
(Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)



Hình 6.10. Bể rèn bằng da mang
(Ảnh: Bảo tàng Kon Tum)

Trong một năm, các lò rèn thường hoạt động nhộn nhịp vào lúc trước khi phát rẫy (tháng 1 - 2); trước khi làm cỏ lúa (tháng 7 - 8) và trước khi thu hoạch (tháng 10 - 11). Đây là những thời điểm cần sửa sang công cụ sản xuất nông nghiệp, gắn liền với các giai đoạn quan trọng của một mùa nương rẫy.

Em có biết?

Trong các dân tộc thiểu số tại chỗ ở Kon Tum, người Xơ-đăng rất nổi tiếng về nghề rèn, trong mỗi làng Xơ-đăng đều có nhiều người làm nghề này rất giỏi. Người Tơ Đrá (một nhánh của người Xơ-đăng) với kỹ thuật khá cao và sản phẩm đa dạng, có chất lượng, được đánh giá là dân tộc thiểu số đứng đầu về nghề rèn tiểu thủ công nghiệp trên toàn lãnh thổ Việt Nam.



Dụng cụ tra hạt



Rìu



Dao

Hình 6.11. Một số sản phẩm của nghề rèn (Ảnh: Huy Đăng)



Luyện tập

1. Kể tên một số nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum.
2. Các sản phẩm nghề truyền thống đã đáp ứng những nhu cầu nào của người dân trên địa bàn tỉnh Kon Tum?
3. Với các dân tộc thiểu số ở Kon Tum, phụ nữ chủ yếu tham gia vào nghề truyền thống nào? Những nghề truyền thống nào thu hút sự tham gia của nam giới?



Vận dụng

Hãy trình bày cho cả lớp cùng nghe về kế hoạch quảng bá nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số ở Kon Tum mà cá nhân em (hoặc nhóm của em) sẽ thực hiện.

Gợi ý thực hiện:

- Nêu được địa điểm, thời gian sẽ tổ chức giới thiệu, quảng bá sản phẩm.
- Tóm tắt tính độc đáo, sáng tạo của các sản phẩm sẽ chọn giới thiệu.
- Thiết kế tờ rơi, bảng quảng cáo cho buổi quảng bá.
- Nội dung chương trình của buổi quảng bá.

Em có biết?

1. Nghề gốm

Các dân tộc thiểu số tại chỗ như Ba-na, Gié-Triêng (nhánh Gié) còn duy trì nghề gốm và chỉ còn tồn tại ở huyện Đắk Glei (xã Đắk Pét) và huyện Kon Rẫy (xã Đắk Tờ Re). Sản phẩm của nghề này chủ yếu là chén bát, nồi nấu cơm, nồi hong xôi, đựng nước, ghè làm rượu,... Hiện nay, số người duy trì nghề này còn rất ít.

2. Nghề chế tác nhạc cụ âm nhạc truyền thống

Các dân tộc thiểu số tại chỗ như Xơ-đăng, Ba-na, Gié-Triêng còn duy trì nghề chế tác nhạc cụ âm nhạc truyền thống tại các địa phương: thành phố Kon Tum và các huyện Đắk Hà, Đắk Tô, Ngọc Hồi, Đắk Glei, Kon Rẫy.

Sản phẩm là các nhạc cụ truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, điển hình như các nhạc cụ: đàn Tơ-rưng, Tìng Ning loại 8 dây hoặc 10 dây (8 dây loại hát dân ca cho người Ba-na; 10 dây dùng cho cồng chiêng), Klong Put,...

Hiện nay, nghề chế tác nhạc cụ dân tộc cũng đang có nguy cơ bị mai một, thất truyền do số lượng người biết chế tác còn rất ít, chủ yếu là các cụ già trên 70 tuổi trong làng.

3. Nghề làm rượu cần

Hầu hết các gia đình đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ đều biết làm sản phẩm này.

Sản phẩm được làm ra là rượu cần với nhiều loại khác nhau, bằng nguyên liệu mì (sắn), gạo, hạt kê, bo bo, nếp than,... chủ yếu được sử dụng để cúng thần linh; trong các lễ hội của làng, lễ cưới, đám ma, làm nhà, tiếp khách; lễ nghi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; buôn bán nhỏ, lễ hoặc theo đơn đặt hàng. Số người làm nghề rượu cần hiện nay tương đối nhiều.

4. Một số sản phẩm chế tác khác

Trong thời điểm nông nhàn, người ta thường chế tác đồ trang sức, chạm trổ hoa văn trên các công cụ lao động, các vật dụng hằng ngày,... Họ chế tác ra những chuỗi hạt cườm, những vòng trang sức bằng đồng, các đôi bông tai lớn bằng nhiều chất liệu như: ngà voi, đồng, nhôm, nứa,... Các sản phẩm chế tác trên thể hiện đời sống thẩm mỹ đơn sơ nhưng tinh tế và trí tưởng tượng phong phú của người xưa.



Hình 6.12. Chuỗi cườm đeo thắt lưng



Hình 6.13. Chuỗi cườm đeo cổ
(P'ri cơ pá)

Chủ đề 7

HỌC SINH KON TUM VỚI VIỆC THỰC HIỆN AN TOÀN GIAO THÔNG

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết đặc điểm giao thông ở Kon Tum; tình hình thực hiện an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
- Nhận biết được một số hành vi đúng khi tham gia giao thông, rèn luyện một số kỹ năng tham gia giao thông an toàn, đúng Luật Giao thông, phù hợp với tình hình giao thông ở Kon Tum và tại địa phương.
- Trách nhiệm của bản thân về chấp hành pháp luật giao thông; tuyên truyền với người thân, bạn bè về Luật Giao thông.



Mở đầu

Đọc câu chuyện và thực hiện yêu cầu:

Trong buổi ngoại khoá về an toàn giao thông, các em học sinh được chú cảnh sát giao thông cho xem những hình ảnh, video về giao thông, giúp các em hiểu thêm về văn hoá giao thông, tình hình giao thông trên địa bàn huyện Tu Mơ Rông và tỉnh Kon Tum.

Khi trình chiếu một vài hình ảnh tai nạn giao thông thực tế ở địa phương thì không khí trầm xuống, im phăng phắc. Chợt phía hàng ghế lớp 6 có tiếng khóc thút thít, rồi một em gái, đáng người gầy gò với bộ quần áo đã cũ, đầm nước mắt, rời khỏi hàng và chạy ra ngoài. Mọi người ngơ ngác không hiểu vì sao. Sau một lúc tìm hiểu mới biết sự việc. Thì ra tai nạn giao thông đã cướp đi cha, mẹ yêu quý của em, bỏ lại em sống với ông bà nội đã già.

Giờ đây, đi học xa nhà, xa vòng tay ông, bà nội. Mặc dù được thầy, cô và bạn bè yêu thương nhưng em vẫn thấy rất cô đơn và buồn tủi, nhất là khi có ai đó nói về tai nạn giao thông hay hỏi về cha, về mẹ. Ai đã cướp đi cha, mẹ yêu quý của em? Cướp đi cuộc sống tươi đẹp của em? Tại sao những điều thương tâm như vậy lại xảy ra? Tại sao em phải chịu cảnh đáng thương như vậy? Đó chính là do tai nạn giao thông.

(Nguyễn Trọng Hữu - Giáo viên trường THCS Bán trú DTTS Tu Mơ Rông)

Hãy cho biết cảm xúc của em qua câu chuyện trên. Câu chuyện muốn nhắn gửi những thông điệp gì?



I. KHÁI QUÁT VỀ VẤN ĐỀ GIAO THÔNG Ở TỈNH KON TUM

1. Các tuyến đường giao thông chính ở tỉnh Kon Tum

Tỉnh Kon Tum hiện có 5 943 km đường giao thông, trong đó có 3 366 km đường được bê tông hoá và láng nhựa (chiếm 56,4%). Có 5 tuyến Quốc lộ với tổng chiều dài 446 km gồm đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 14C, Quốc lộ 24, Quốc lộ 40, Quốc lộ 40B và 10 đường tỉnh lộ với tổng chiều dài 389 km. Bên cạnh sự phát triển mạng lưới giao thông liên huyện, liên xã, hệ thống các tuyến quốc lộ được nâng cấp, mở rộng, kết nối với mọi miền của đất nước.

2. Đặc điểm giao thông ở Kon Tum

Kon Tum là một tỉnh miền núi vùng cao, biên giới, nằm ở phía bắc Tây Nguyên. Địa hình thấp dần từ bắc xuống nam, từ đông sang tây và khá đa dạng, bao gồm: địa hình đồi núi, địa hình cao nguyên và địa hình vùng trũng xen kẽ nhau. Hạ tầng giao thông ở Kon Tum đa dạng để phù hợp với từng loại địa hình, nhưng chủ yếu là đường đèo, dốc, quanh co, hẹp,... dễ sạt lở trong mùa mưa.

- Ở đô thị:



Hình 7.1. Một góc thành phố Kon Tum (Ảnh: Ban Nguyễn)

+ Hệ thống giao thông đa dạng, có sự phân luồng rõ rệt.

+ Mật độ phương tiện tham gia giao thông nhiều.

+ Các phương tiện tham gia giao thông đa dạng.

- Ở nông thôn:

+ Chủ yếu là đường đất, hoặc bê tông, đường nhỏ, đi lại khó khăn trong mùa mưa.

+ Mật độ phương tiện tham gia giao thông ít.

+ Các phương tiện tham gia giao thông chủ yếu là xe máy, xe công nông, máy cày,...



Hình 7.2. Giao thông đô thị ở Kon Tum
(Ảnh: Ban Nguyễn)

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN AN TOÀN GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM



Hình 7.3. Đường giao thông nông thôn, xã Ngọc Linh,
huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum (Ảnh: Thịnh Nguyễn)

Bảng 7.1. TAI NẠN GIAO THÔNG TẠI TỈNH KON TUM NĂM 2019, 2020

Tiêu chí	Năm 2019	Năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
Số vụ tai nạn giao thông	68	73	+05
Số người chết	63	78	+15
Số người bị thương	44	71	+27
Thiệt hại về tài sản	28 ô tô; 87 mô tô, xe gắn máy, 03 phương tiện khác.		

Bảng 7.2. TAI NẠN GIAO THÔNG TẠI ĐƯỜNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN TỈNH KON TUM NĂM 2019, 2020

Tiêu chí	Năm 2019	Năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
Số vụ tai nạn giao thông	11	16	+05
Số người chết	09	17	+08
Số người bị thương	14	08	-06

Bảng 7.3. ĐỊA BÀN XẢY RA TAI NẠN GIAO THÔNG TẠI TỈNH KON TUM NĂM 2020

Địa bàn	Năm 2020		
	Số vụ	Số người chết	Số người bị thương
Thành phố Kon Tum	19	18	06
Huyện Đắk Hà	05	05	03
Huyện Đắk Tô	11	10	12
Huyện Tu Mơ Rông	00	00	00
Huyện Ngọc Hồi	15	17	05
Huyện Đắk Glei	09	10	04
Huyện Sa Thầy	08	14	37
Huyện Kon Rẫy	03	03	02
Huyện Kon Plong	00	00	00
Huyện Ia H'Drai	03	01	02
Tổng số	73	78	71

(Nguồn: Ban An toàn giao thông tỉnh Kon Tum)

1. Thông qua số liệu ở bảng trên và thực tiễn tham gia giao thông của mình, em hãy nhận xét tình hình giao thông tại địa phương.
2. Hãy nêu các nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông. Em cần phải làm gì để góp phần giảm thiểu tai nạn giao thông tại địa phương?

III. THAM GIA GIAO THÔNG AN TOÀN

Quan sát các bức ảnh và thực hiện yêu cầu:



Hình 7.4. Giao thông ở thành phố Kon Tum
(Ảnh: Văn Phương)



Hình 7.5. Giao thông nông thôn ở xã Măng Ri, huyện Tu Mơ Rông (Ảnh: Minh Đức)



Hình 7.6. Học sinh trên đường đến trường
(Ảnh: Minh Đức)

1. Từ đặc điểm giao thông ở Kon Tum qua các ảnh trên, em hãy cho biết những kĩ năng tham gia giao thông an toàn.
2. Bản thân em rút ra những bài học gì trong việc thực hiện giao thông an toàn tại địa phương?

Em có biết?

Khi tham gia giao thông phải thực hiện đúng quy định của Luật Giao thông.

Đối với người đi bộ

Phải đi trên hè phố hoặc lề đường, trường hợp không có hè phố, lề đường thì phải đi sát mép đường bên phải.

- Chỉ được qua đường ở những nơi có tín hiệu, có kẻ vạch đường hoặc có cầu vượt, hầm dành cho người đi bộ và tuân thủ sự chỉ dẫn theo biển báo hoặc cảnh sát giao thông.

- Nơi không có đèn tín hiệu, không có vạch kẻ đường, người đi bộ phải chú ý quan sát nhường đường cho các phương tiện tham gia giao thông đang đi trên đường, chỉ qua đường khi bảo đảm an toàn.

- Không được: vượt qua dải phân cách, đu bám vào phương tiện giao thông đang chạy.

Đối với người đi xe đạp, xe máy

- Phải đội mũ bảo hiểm khi ngồi trên mô tô, xe máy, xe đạp điện, xe máy điện.
- Không đi xe dàn hàng ngang, lạng lách, đánh võng.
- Không đi vào phần đường dành cho người đi bộ hoặc phương tiện khác.
- Không sử dụng ô, điện thoại di động khi điều khiển xe.
- Không kéo, đẩy xe khác, chở đồ vật cồng kềnh.

Đối với trẻ em

Trẻ em dưới 16 tuổi không được điều khiển xe gắn máy.



Luyện tập

1. Thế nào là tham gia giao thông an toàn? Hãy nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về an toàn giao thông.
2. Hãy nêu cách nhận diện một số loại biển báo giao thông ở địa phương mà em biết (biển báo cấm, biển báo nguy hiểm, biển báo hiệu lệnh, biển báo chỉ dẫn).
3. Hãy quan sát và nhận xét hành vi của người tham gia giao thông trong các hình sau:



Hình 7.7. Không đội mũ bảo hiểm cho con
(Ảnh: Văn Phương)



Hình 7.8. Nguy cơ mất an toàn giao thông
trước cổng trường (Ảnh: Văn Phương)



Vận dụng

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền việc thực hiện an toàn giao thông tại trường em hoặc địa phương nơi em đang học tập và sinh sống.

Yêu cầu:

- Nêu được thực trạng thực hiện an toàn giao thông tại trường em hoặc địa phương em trong thời gian qua.
- Đề xuất các biện pháp tuyên truyền và phổ biến pháp luật về an toàn giao thông cho bạn bè, người thân (nội dung biện pháp, đối tượng tham gia, cách thức thực hiện, thời gian và địa điểm thực hiện,...).
- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện kế hoạch trước lớp (bằng hình ảnh, tư liệu, số liệu,...).

Chủ đề 8

HỌC SINH KON TUM VỚI AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TẠI ĐỊA PHƯƠNG

Yêu cầu cần đạt

- Nhận biết được về thực trạng an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh Kon Tum và tại địa phương trong thời gian qua. Nêu được các nguyên nhân và hậu quả của thực trạng mất an toàn vệ sinh thực phẩm hiện nay.
- Hiểu được tầm quan trọng của việc giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm; nhận biết và thực hiện được các biện pháp cơ bản để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, các biện pháp xử lý khi bị ngộ độc thực phẩm.
- Trách nhiệm của bản thân trong việc bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm.



Mở đầu

Quan sát hình ảnh, đọc câu chuyện và trả lời các câu hỏi sau:

Câu chuyện hàng rong, hàng quán nơi vỉa hè, lòng lề đường

Dạo quanh các hàng quán gần cổng các trường học, có thể nhận thấy khá nhiều món ăn, nước uống yêu thích của học trò với đủ màu sắc, hương vị được bày bán. Mức giá các món chỉ dao động từ 5 000 đồng đến 10 000 đồng nên được các em học sinh săn đón nhiệt tình. Vì chạy theo lợi nhuận nên hàng hoá được bày bán phần lớn đều không rõ nguồn gốc, xuất xứ, không bao bì, nhãn mác. Các món chế biến, bày bán bên lề đường, không được che đậy. Dầu mỡ dùng để chiên rán được dùng đi dùng lại nhiều lần. Dụng cụ chế biến, chứa đựng thực phẩm không được rửa sạch, không bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm.



Hình 8.1.



Hình 8.2.

(Tranh của học sinh Trường THCS Chu Văn An - Đắk Hà)

1. Cách chế biến, bán hàng nơi lòng, lề đường có đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm không? Vì sao?
2. Việc ăn, uống quà vặt từ các hàng quán vỉa hè có thể gây ra những hậu quả nào? (cho sức khỏe bản thân hoặc cho cảnh quan, môi trường,...)



Kiến thức mới

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI TỈNH KON TUM

1. Khái quát

Tính đến cuối năm 2020, toàn tỉnh Kon Tum có khoảng 11 000 cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm và dịch vụ ăn uống; có 260 bếp ăn tập thể và hơn 700 cơ sở kinh doanh thức ăn đường phố. Phần lớn các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm có quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình. Ngoài nguồn cung cấp từ các cơ sở kinh doanh, thực phẩm còn được khai thác từ tự nhiên và nguồn nuôi trồng từ các hộ gia đình.

Đa phần các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh tuân thủ đúng các quy định về đảm bảo an toàn trong sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, nâng cao trách nhiệm với các sản phẩm do mình làm ra để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Tuy nhiên, trong thực tế, vẫn còn một số cơ sở, cá nhân chưa coi trọng vấn đề an toàn thực phẩm. Một bộ phận người dân chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm như thiếu kiến thức, kĩ năng, trách nhiệm trong nuôi trồng, bảo quản, chọn lựa, sử dụng. Vì vậy, thực phẩm bẩn, thực phẩm chứa độc tố vẫn được tiêu dùng gây ngộ độc ảnh hưởng đến sức khỏe.

Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm

Thực phẩm là nguồn cung cấp năng lượng, chất dinh dưỡng cần thiết để duy trì sức khỏe, sự sống và sự phát triển của cơ thể. Tuy nhiên, thực phẩm cũng có thể là nguồn gốc gây bệnh nguy hiểm và nhiều hậu quả khác nếu không đảm bảo an toàn.

Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm là vấn đề đặc biệt quan trọng, không chỉ tác động thường xuyên và trực tiếp đến sức khỏe con người mà còn góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

2. Tình hình thực hiện an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh

Bảng 8.1. BẢNG THỐNG KÊ VỀ TÌNH HÌNH NGỘ ĐỘC TẠI KON TUM

Tiêu chí	Năm 2019	Năm 2020	Tăng (+), giảm (-)
Số vụ ngộ độc thực phẩm	0	03	+03
Số người mắc	0	30	+30
Số người tử vong	0	01	+01
Số ca mắc lẻ tẻ	164	170	+06
Số cơ sở kinh doanh vi phạm	62	68	+06
Nguyên nhân	Thức ăn không đảm bảo vệ sinh, ngộ độc nấm		

(Nguồn: Sở Y tế tỉnh Kon Tum)

1. Từ số liệu trên, em có nhận xét gì về tình hình thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm ở Kon Tum. Hãy cho biết các nguyên nhân gây ra ngộ độc.
2. Tại địa phương em sinh sống, ngộ độc thực phẩm còn có thể bắt nguồn từ các nguyên nhân nào và để lại những hậu quả gì?
3. Theo em, việc giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm có ý nghĩa như thế nào đối với cá nhân và xã hội?

II. ĐẢM BẢO AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

1. Nâng cao ý thức trách nhiệm cho bản thân và cộng đồng

Đọc tình huống dưới đây và trả lời câu hỏi.

Hàng xóm sát nhà H kinh doanh đồ ăn vặt, trà sữa và các loại sirô. Việc kinh doanh rất thuận lợi và phát đạt vì nhà ở ngay trước cổng một trường tiểu học. Tuy nhiên, để bán được nhiều hàng với giá rẻ nhằm thu lại lợi nhuận cao, chủ nhà đã nhập các sản phẩm không rõ nguồn gốc về bán. Nơi chế biến và chỗ rửa bát, đĩa ẩm thấp, không sạch sẽ. Đã nhiều lần H thấy nhà hàng xóm nhập hàng hết hạn với giá rẻ, rồi xé bỏ nhãn mác để trữ vào tủ lạnh bán dần.

Nếu là H, em sẽ giải quyết như thế nào với sự việc trên? Vì sao em lại chọn cách giải quyết đó?

Em có biết?

- (1) Thực phẩm phải bảo quản đúng cách, không để bị hư hỏng, nấm mốc, biến đổi chất,...
- (2) Nơi chế biến thực phẩm phải sạch sẽ, cách xa khu chăn nuôi gia súc, nhà vệ sinh, bãi rác thải, cống rãnh; phải có đủ nước sạch để dọn rửa.
- (3) Nơi ăn uống phải sạch sẽ, thoáng mát, tránh bụi bẩn, ruồi nhặng.
- (4) Chủ động tránh xa các hàng quán không đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn thực phẩm.
- (5) Báo cho người thân, cơ quan chức năng khi phát hiện các tổ chức, cá nhân có hoạt động, hành vi gây nguy cơ mất an toàn vệ sinh thực phẩm.

2. Một số kĩ năng lựa chọn và bảo quản thực phẩm an toàn

1. Nêu một số cách cơ bản để nhận biết thực phẩm an toàn, bảo quản thực phẩm.
2. Ở nơi em sinh sống, có thể đến địa điểm nào để mua được thực phẩm an toàn?

- Lựa chọn thực phẩm an toàn:

+ Khi lựa chọn mua thực phẩm cần xác định nguồn thực phẩm có thành phần, nguồn gốc, xuất xứ, nhãn mác, thời hạn sử dụng rõ ràng.

Đối với các loại thực phẩm được đóng gói: Không chọn các hộp, bao bì, lon thức ăn có vỏ bị phồng, lõm hoặc chai, lọ bị nứt, nắp lỏng hoặc phồng.

Đối với các loại rau, quả:
Không mua rau quả đã héo úa, dập nát hay có mùi lạ.

Đối với thịt: Không mua thịt có màu hơi xanh nhạt hoặc hơi thâm, thậm chí đen, không bóng, màng ngoài nhớt.

+ Khi khai thác thực phẩm trong tự nhiên cần thận trọng tìm hiểu kĩ, sơ chế, chế biến đúng cách; tránh các loại có chứa độc tố, ví dụ như: các loại nấm độc, lá ngón,...



Hình 8.3. Chọn thực phẩm tươi ngon

Một số sinh vật chứa độc tố thường gặp ở Kon Tum



Hình 8.4. Cây lá ngón



Hình 8.5. Con cóc



Hình 8.6. Nấm trắng hình nón



Hình 8.7. Nấm mũ khía nâu xám



Hình 8.8. Nấm đen nhạt



Hình 8.9. Nấm đỏ

- Bảo quản thực phẩm an toàn:

Thực phẩm phải được bảo quản đúng cách để giữ nguyên chất lượng. Cụ thể:

+ Những thực phẩm tươi sống như thịt, cá,... cần rửa sạch, để trong hộp hoặc bì kín và cấp đông ngay.

+ Những thực phẩm khô như gạo, đậu,... cần bảo quản trong hộp kín tránh nấm mốc.

+ Không để lẫn thức ăn chín và thức ăn sống, không sử dụng thức ăn ôi thiu, hư hỏng.

III. MỘT SỐ BƯỚC CƠ BẢN TRONG XỬ LÝ KHI BỊ NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM

Tìm hiểu thông tin về cách nhận biết và các bước xử lý khi bị ngộ độc thực phẩm, trả lời các câu hỏi sau:

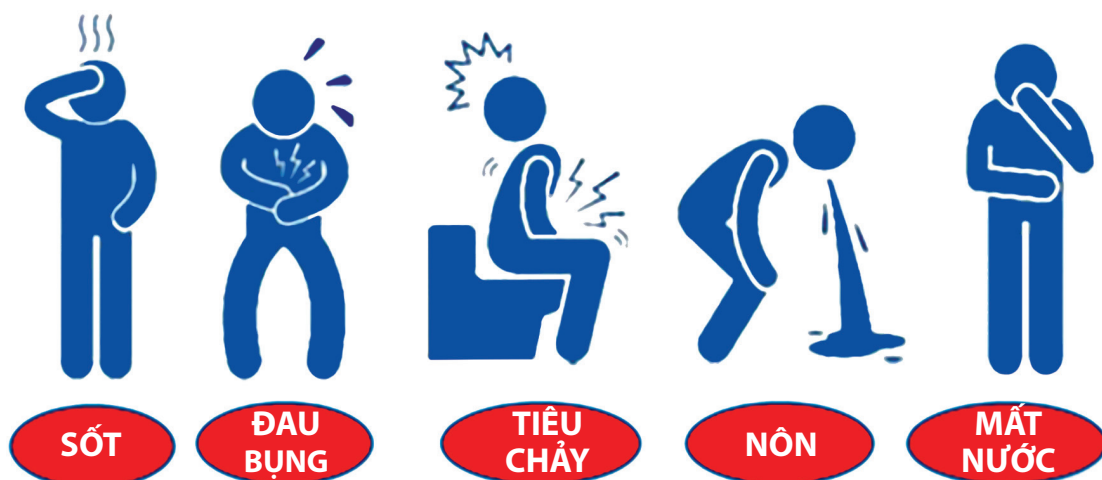
1. Người bị ngộ độc thực phẩm thường có những biểu hiện nào?
2. Khi bị ngộ độc, nếu không được cứu chữa kịp thời sẽ dẫn đến hậu quả gì?
3. Việc xử lý cấp cứu ban đầu có tác dụng gì đối với người bị ngộ độc thực phẩm?

1. Một số biểu hiện khi bị ngộ độc thực phẩm

Thông thường, các triệu chứng ngộ độc cấp tính sẽ xuất hiện sau vài phút, vài giờ hoặc từ một đến hai ngày sau khi ăn.

Người bị ngộ độc thường có các biểu hiện như nôn mửa, tiêu chảy, chóng mặt, sốt, đau bụng,... đôi khi có kèm theo các triệu chứng phụ như nhức đầu, đau cơ, khó thở,... khiến cơ thể mệt mỏi, kiệt sức. Nếu không có biện pháp xử lý kịp thời có thể dẫn tới tử vong.

BIỂU HIỆN CỦA NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM



Hình 8.10. (Nguồn: Tranh tuyên truyền Bệnh viện Bạch Mai)

2. Cách xử lý khi bị ngộ độc thực phẩm

Khi thấy người có các dấu hiệu của ngộ độc thực phẩm, cần báo ngay cho người thân để cùng phối hợp xử lý; tùy tình hình sẽ có các cách xử lý khác nhau. Sau đây là ba bước cơ bản:



BƯỚC 1:

Gây nôn (trong trường hợp người bệnh không có biểu hiện nôn): Kích thích để người bị ngộ độc nôn những thức ăn trong dạ dày ra ngoài nhằm hạn chế độc tố ngấm vào cơ thể.



BƯỚC 2:

Cho người bệnh uống nhiều nước và nghỉ ngơi.



BƯỚC 3:

Gọi cấp cứu 115 hoặc đưa bệnh nhân đến cơ sở y tế gần nhất: Dù đã tiến hành sơ cứu ban đầu nhưng bệnh nhân vẫn có thể gặp nguy hiểm bất cứ lúc nào.

(Tranh: Ngọc Huy)



Luyện tập

1. Nêu một số hành vi vi phạm an toàn vệ sinh thực phẩm mà em đã biết.
2. Thực hành các bước cơ bản trong xử lý trường hợp bị ngộ độc thực phẩm.
3. Kể tên và nêu nội dung hoạt động nhằm hưởng ứng “Tháng hành động vì an toàn vệ sinh thực phẩm” hàng năm của trường hoặc địa phương em đã tổ chức.



Vận dụng

1. Tham quan nhà ăn tập thể hoặc khu vực căng tin nhà trường (nếu có) và viết bản báo cáo kết quả theo những nội dung sau:
 - Khu vực bày bán và bố trí các vật dụng, vật phẩm ngăn nắp, sạch đẹp chưa?
 - Các loại hàng bày bán trong căn tin có nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ không?
 - Thức ăn chế biến trong bếp ăn hoặc căn tin trường có đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm không?
 - Các đề xuất với giáo viên chủ nhiệm lớp hoặc nhà trường về xây dựng căn tin hoặc bếp ăn tập thể sạch đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm,...
2. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền (thực hiện một video clip, vẽ tranh, tiểu phẩm,...) về vấn đề ăn hàng rong, quà vặt, việc giữ gìn vệ sinh an toàn thực phẩm tại trường em hoặc địa phương em đang học tập.

Chủ đề 9

ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở KON TUM

Yêu cầu cần đạt

- Xác định được đa dạng sinh học tại Kon Tum: đa dạng cảnh quan, động vật và thực vật.
- Xác định được thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở Kon Tum; đề xuất được một số biện pháp để bảo vệ đa dạng sinh học; có trách nhiệm trong việc bảo tồn đa dạng sinh học ở địa phương và bảo tồn đa dạng sinh học ở Kon Tum.

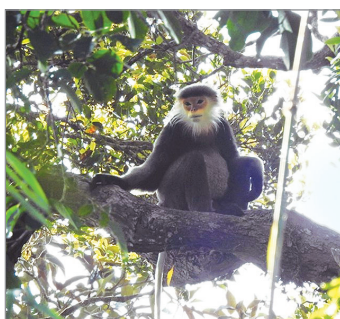


Mở đầu

Quan sát các hình ảnh sau và thực hiện yêu cầu.



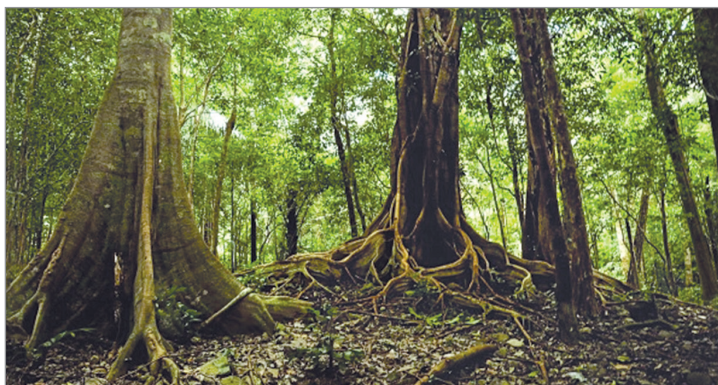
Hình 9.1. Sâm Ngọc Linh
(Ảnh: Tâm Phạm)



Hình 9.2. Chà vá chân xám -
Kon Plông (Ảnh: FFI)



Hình 9.4. Khướu Ngọc Linh
(Ảnh: Tang A Pau)



Hình 9.3. Vườn quốc gia Chư Mom Ray
với những gốc cây cổ thụ (Ảnh: Huy Đăng)

Quan sát các hình trên em hãy kể tên và cho biết thêm thông tin về các loài sinh vật ấy. Chúng ta cần phải làm gì để bảo vệ chúng?

I. ĐA DẠNG SINH HỌC Ở KON TUM

Với diện tích phần lớn nằm ở phía tây dãy Trường Sơn hùng vĩ, Kon Tum có địa hình thay đổi từ thung lũng đến đồi núi, cao nguyên; có nhiều kiểu khí hậu, nhiều sông suối, thuận lợi để sinh vật phát triển. Vì vậy, sinh vật ở đây rất phong phú, đa dạng, với hàng ngàn loài thực vật, hàng trăm loài động vật khác nhau, trong đó có nhiều loài quý hiếm. Do nhiều nguyên nhân mà số lượng các loài sinh vật đã suy giảm và một số loài có nguy cơ bị tuyệt chủng. Bảo tồn sự đa dạng của các loài là việc làm cần thiết, cấp bách.

Bảng 9.1. SỐ LOÀI THỰC VẬT CÓ MẠCH DẪN, ĐỘNG VẬT CÓ XƯƠNG SỐNG TRÊN CẠN Ở KON TUM

	Số lượng loài	Số loài quý hiếm
Động vật	617	115
Thực vật	2 488	118

(Nguồn: “Quy hoạch bảo tồn Đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”, Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum năm 2016)

1. Đa dạng các loài thực vật



Hình 9.5. Số lượng loài của các ngành thực vật có mạch dẫn trên cạn

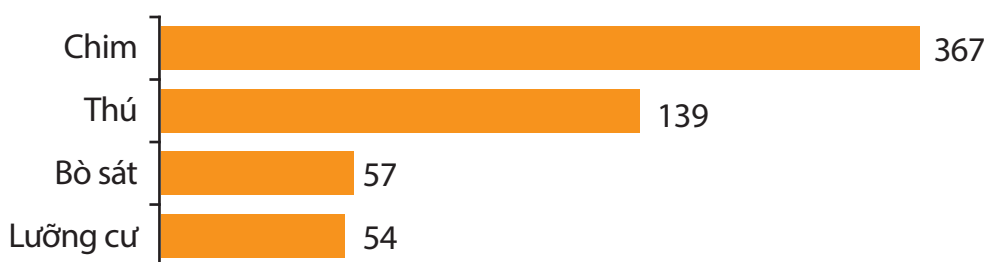
Một số loài thực vật quý hiếm:

Ngành hạt kín: hoàng đằng, vàng đắng, sao đen, sơn tra, sâm cau, gỗ đỏ, trắc, sưa, giáng hương, sâm Ngọc Linh, đẳng sâm, cỏ nhung,...

Ngành hạt trần: thiên tuế, du sam, hoàng đàn giả, thông tre, thông Đà Lạt,...

Ngành dương xỉ: cốt toái bổ, tắc kè đá,...

2. Đa dạng các loài động vật



Hình 9.6. Số lượng loài của các lớp động vật có xương sống trên cạn

Một số loài động vật quý hiếm:

Lớp chim: gà lôi trắng, gà tiền mặt đỏ, công, diều hâu đen, ưng xám, khướu Ngọc Linh, chích choè lửa, hạc cổ trắng,...

Lớp thú: sóc bay đen trắng, khỉ mặt đỏ, chà vá chân xám, vượn đen má hung, rái cá lông mượt, chồn vàng, báo lửa, mèo rừng, hổ, hươu vàng, nai cà toong, bò tót, trâu rừng,...

Lớp bò sát: rồng đất, trăn đất, rắn hổ mang chúa, rùa núi vàng, cua đinh,...

Lớp lưỡng cư: cóc rừng, ếch cây phê,...

1. Quan sát hình 9.5 và 9.6, em hãy nhận xét số lượng loài thực vật, động vật ở Kon Tum.
2. Kể tên các loài thực vật, động vật quý hiếm ở Kon Tum mà em biết.
3. Em có nhận xét gì về sự đa dạng các loài thực vật, động vật ở Kon Tum? Nêu ý nghĩa của sự đa dạng sinh học đó.

II. CÔNG TÁC BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC Ở KON TUM

1. Thành lập các khu bảo tồn đa dạng sinh học ⁽¹⁾

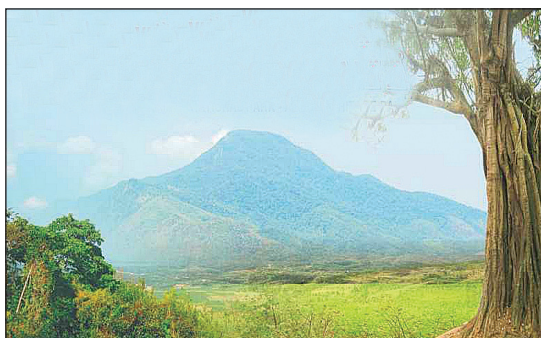
Bằng trải nghiệm của bản thân và dựa vào thông tin giới thiệu các khu bảo tồn đa dạng sinh học Kon Tum bên dưới, em hãy hoàn thành bảng sau:

Tên khu bảo tồn	Diện tích	Số loài thực vật	Số loài động vật	Loài quý hiếm
Vườn quốc gia Chư Mom Ray	?	?	?	?
Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh	?	?	?	?
Rừng đặc dụng Đắk Uy	?	?	?	?
Khu du lịch sinh thái Măng Đen	?	?	?	?

(1) Số liệu về diện tích, số loài thực vật, động vật lấy từ nguồn “Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Kon Tum đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”, Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum năm 2016.

- Vườn quốc gia Chư Mom Ray

Nằm phía tây nam tỉnh Kon Tum thuộc huyện Sa Thầy và Ngọc Hồi, Vườn quốc gia Chư Mom Ray rộng hơn 56 nghìn hecta. Thực vật có khoảng 1 540 loài, trong đó có 113 loài quý hiếm thuộc họ phong lan, các loài họ dầu, thông tre, trắc, cẩm lai, chò chỉ,... Động vật có khoảng 720 loài, trong đó có 131 loài quý hiếm, điển hình như: vượn đen má hung, mang Trường Sơn, bò tót, hổ Đông Dương, voi, gấu ngựa, beo lửa, công, đại bàng đất,...



Hình 9.7. Vườn quốc gia Chư Mom Ray
(Ảnh: Ngô Đình Đại)



Hình 9.8. Hoa phong lan ở Vườn quốc gia Chư Mom Ray (Ảnh: Trần Quốc Tuấn)

- Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh

Nằm phía bắc tỉnh Kon Tum, Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh rộng hơn 38 nghìn hecta. Thực vật có 1 091 loài với 59 loài quý hiếm. Đặc biệt, đây là môi trường sống của sâm Ngọc Linh, loài sâm này là dược liệu quý của Việt Nam và thế giới. Động vật có 349 loài với 53 loài quý, hiếm.



Hình 9.9. Lan móng rùa ở Ngọc Linh
(Ảnh: Duy Đắc)

- Rừng đặc dụng Đắk Uy

Nằm ở huyện Đắk Hà, rộng hơn 650 hecta. Thực vật có 695 loài, động vật có 83 loài, nhiều loài quý hiếm, điển hình là loài trắc. Với cảnh quan đẹp, khu rừng này có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái.



Hình 9.10. Vườn trắc
(Ảnh: Lã Quang Trung/CCD)

- Khu du lịch sinh thái Măng Đen

Thuộc địa phận huyện Kon Plông, Măng Đen có thắng cảnh đẹp, khí hậu mát mẻ, có tiềm năng lớn về du lịch sinh thái. Thực vật có 402 loài, nhiều loài quý hiếm như thông tre, thông Đà Lạt, pơ mu. Động vật có 68 loài, đặc biệt loài chà vá chân xám quý hiếm chỉ có ở Việt Nam được xem như “kho báu” về đa dạng sinh học.

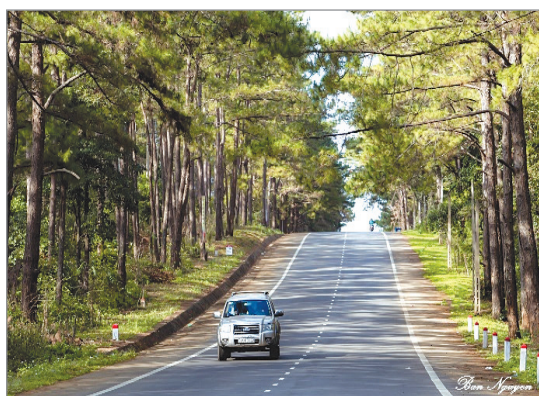
2. Thành lập các vườn thực vật, động vật quý hiếm

Do việc khai thác, săn bắt trái phép, phá huỷ môi trường sống của các loài sinh vật trong tự nhiên nên số lượng của chúng ngày càng suy giảm và có nguy cơ biến mất. Để bảo tồn, người ta chuyển chúng đến các vườn thực vật, vườn động vật, trạm cứu hộ động vật bên trong các khu bảo tồn. Tại đây, chúng được các chuyên gia trong nước và quốc tế chăm sóc, cứu chữa và trả về tự nhiên hoang dã. Hiện Kon Tum có nhiều vườn thực vật⁽¹⁾ và 1 trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật⁽²⁾.

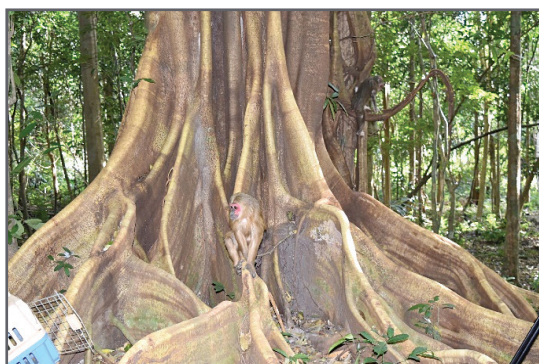
Đọc tình huống sau và trả lời câu hỏi:

Ông A đi thăm rẫy, phát hiện một con chà vá chân xám bị thương ở chân do vướng bẫy. Rủ lòng thương, ông mang về nhà nuôi.

Hành động của ông A đúng hay sai? Vì sao?



Hình 9.11. Hàng thông trăm tuổi ở Khu du lịch sinh thái Măng Đen (Ảnh: Ban Nguyễn)



Hình 9.12. Thả cá thể khi về rừng ở Vườn quốc gia Chư Mom Ray (Ảnh: Trần Quốc Tuấn)



Hình 9.13. Trồng sâm Ngọc Linh dưới tán rừng ở Tu Mơ Rông (Ảnh: Dương Nương)

(1) Vườn thực vật ở Vườn quốc gia Chư Mom Ray, Khu bảo tồn thiên nhiên Ngọc Linh, rừng đặc dụng Đắk Uy.

(2) Trung tâm cứu hộ, bảo tồn và phát triển sinh vật Vườn quốc gia Chư Mom Ray.

III. NHỮNG ĐE DOẠ ĐỐI VỚI ĐA DẠNG SINH HỌC Ở KON TUM

Khai thác tài nguyên sinh vật quá mức, việc mở rộng đô thị, mở rộng sản xuất, giao thông vận tải, đắp hồ đập thủy điện,... làm cho rừng ngày càng bị thu hẹp, cây rừng bị tỉa thưa, thú rừng bị săn bắt, rừng mất đi sự đa dạng và trở nên cạn kiệt.

Tác động của biến đổi khí hậu làm gia tăng lũ lụt, sạt lở đất và hạn hán.

Sự xuất hiện các loài sinh vật ngoại lai xâm hại⁽¹⁾.

Các nguy cơ trên làm mất đi nơi ở, nơi sinh sản và môi trường sống của các loài sinh vật làm cho đa dạng sinh học bị suy giảm.



Hình 9.14. Sạt lở đất do mưa lớn ở Kon Plông
(Ảnh: Khoa Điềm)



Hình 9.15. Rừng bị tàn phá (Ảnh: Khoa Điềm)

1. Tập tục canh tác nông nghiệp nào của người dân gây ra tình trạng mất rừng?
2. Theo em, việc xây dựng các hồ đập ảnh hưởng như thế nào đến đa dạng sinh học?

IV. CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở KON TUM

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học

Hàng năm, nhân ngày Quốc tế đa dạng sinh học (22 - 5), tỉnh Kon Tum tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đa dạng sinh học đến người dân qua các trang báo, truyền hình, truyền thanh, mạng internet,...

Đưa nội dung giáo dục bảo tồn đa dạng sinh học ở Kon Tum vào trường học.

Phối hợp với các tổ chức trong nước và quốc tế về đa dạng sinh học để hướng dẫn người dân nhận dạng các loài sinh vật hoang dã, quý hiếm.

(1) Bèo lục bình, mai dương, ốc bươu vàng, ốc sên châu Phi,...

Phát động các cuộc thi ảnh, thi viết,... nhằm lan toả tình yêu thiên nhiên, niềm tự hào về đa dạng sinh học của Kon Tum trong người dân.

Tuyên dương, khen thưởng những tấm gương người tốt việc tốt trong hoạt động bảo vệ đa dạng sinh học.

2. Bảo tồn đa dạng sinh học gắn với phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường

Phát triển du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học tại các khu bảo tồn để nâng cao ý thức, tôn trọng sự đa dạng các loài trong tự nhiên, mang lại thu nhập, thêm nhiều việc làm cho người dân sinh sống ven các khu bảo tồn và nơi có thắng cảnh đẹp.

Bảo vệ các khu bảo tồn, mở rộng các vườn động vật, thực vật để nuôi trồng các loài quý hiếm có nguy cơ biến mất.



Hình 9.15. Trồng cây ở Trường Tiểu học Đặng Trần Côn, thành phố Kon Tum (Ảnh: Bình An)

Nuôi trồng các loài cây, con bản địa⁽¹⁾ và hoang dã để lấy bóng mát, lấy gỗ, làm cảnh, làm thức ăn, làm thuốc chữa bệnh, hạn chế tình trạng khai thác, săn, bắt động vật, thực vật hoang dã trong tự nhiên, góp phần phát triển kinh tế và bảo tồn tính đa dạng sinh học ở Kon Tum.

1. Em hãy kể tên các loài hoang dã ở Kon Tum được nuôi trồng để lấy bóng mát, lấy gỗ, làm cảnh, thức ăn và thuốc chữa bệnh.
2. Việc trồng cây trong vườn nhà, khu dân cư có góp phần bảo vệ đa dạng sinh học không? Vì sao?

(1) Lúa chiêm cườm, ngô tẻ trắng, khoai môn ruột vàng, lợn hung, gà sao,...

Luyện tập

Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về sự đa dạng sinh học ở địa phương em.

Vận dụng

1. Trải nghiệm về bảo vệ đa dạng sinh học tại trường em hoặc các khu bảo tồn đa dạng sinh học tại địa phương.

Gợi ý quá trình trải nghiệm:

- Sử dụng phiếu quan sát theo mẫu sau:

Phiếu quan sát các loài thực vật tại ...

TT	Tên cây	Vai trò của cây	Ngành thực vật	Môi trường sống	Ghi chú

Phiếu quan sát các loài động vật tại ...

TT	Tên động vật	Vai trò của động vật	Lớp/ngành động vật	Môi trường sống	Ghi chú

- Phương pháp quan sát trong quá trình trải nghiệm:

Chuẩn bị:	Phương pháp quan sát
- Máy chụp ảnh	- Quan sát thực vật, động vật lớn bằng mắt thường - Quan sát động vật nhỏ bằng kính lúp (nếu có) - Dùng máy ảnh hay điện thoại để chụp thực vật, động vật quan sát được - Ghi chép khi quan sát
- Găng tay	
- Sổ ghi chép	

2. Xây dựng biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong khuôn viên trường em hoặc công viên ở địa phương em theo các gợi ý sau:

Hoạt động	Biện pháp thực hiện
Tuyên truyền	?
Trồng cây	?
Chăm sóc, theo dõi	?
Bảo vệ môi trường	?

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

Thuật ngữ	Giải thích	Trang (số trang xuất hiện)
Cổ đại	Thời đại của các quốc gia đầu tiên.	7
Bảo tồn	Gìn giữ, không để bị mất mát, tổn thất.	3, 23, 27,...
Di chỉ	Nơi có dấu vết cư trú và sinh sống của người xưa.	13, 14,...
Đa dạng sinh học	Là sự phong phú về nguồn gen, loài sinh vật và hệ sinh thái.	3, 33, 56,...
Luật tục	Toàn bộ những nguyên tắc ứng xử không thành văn được hình thành trong xã hội, sau một thời gian dài áp dụng đã trở thành truyền thống và được mọi người tuân thủ.	17
Ngộ độc	Bị nhiễm độc tố của vi khuẩn hoặc bị nhiễm chất độc qua đường ăn uống.	50, 51,...
Nguyên thủy	Thuộc về giai đoạn hình thành và phát triển đầu tiên của loài người, cho đến khi bước vào xã hội có giai cấp và Nhà nước.	3, 13, 14,...
Thất truyền	Bị mất đi, không truyền lại được cho đời sau.	37, 38, 43
Phương thức canh tác xoay vòng	Là sau một thời gian trồng trọt, người dân sẽ bỏ hoá cho rừng tái sinh và chuyển sang canh tác ở các khu vực khác, sau một thời gian (khoảng 10 năm) họ quay trở lại khu rừng cũ để phát nương làm rẫy.	37

